



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
TRÀ VINH**

CONTACT:



Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6,
TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh



(0294) 384 0215



trawacotv@gmail.com



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2020**

TRAWACO

Báo cáo thường niên 2020

MỤC LỤC

- 01 | Thông tin chung
- 02 | Tình hình hoạt động trong năm
- 03 | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 04 | Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 05 | Quản trị Công ty
- 06 | Báo cáo tài chính kiểm toán 2020





THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Giải thưởng tiêu biểu	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	13
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	14
Định hướng phát triển	16
Các rủi ro	20



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh
Tên viết tắt:	TRAWACO
Tên Tiếng Anh:	Tra Vinh Water Supply & Drainage joint Stock Company
Mã cổ phiếu:	TVW
Vốn điều lệ:	145.978.600.000 đồng
Trụ sở chính:	Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Điện thoại:	(0294) 384 0215
Fax:	(0294) 385 0656
Email:	trawacotv@gmail.com
Website:	www.trawaco.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 2100119570 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 28/12/2010 thay đổi lần thứ 01 ngày 07/12/2016, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 08/05/2019.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1992

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được hình thành tách ra từ Công ty cấp nước Cửu Long cũ từ tháng 05/1992

1993

Ngày 17/03/1993 UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 97/QĐ-UBT về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh.

1995

Ngày 03/05/1995 Công ty đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh, là doanh nghiệp nhà nước hạng II, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.

1996

Tháng 12/1996 Công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang do Công ty đầu tư xây dựng công suất thiết kế 700 m³/ngày đêm.

Thực hiện nâng cấp nhà máy nước Trà Vinh công suất 7.000 m³/ngày đêm lên 14.000 - 18.000 m³/ngày đêm, bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Úc và vốn đối ứng ngân sách.

1998

Tháng 10/1998 Công ty khánh thành đưa Nhà máy cấp nước Tp. Trà Vinh vào sử dụng cấp nước cho Tp. Trà Vinh, thị trấn Châu Thành và vùng ven Tp. Trà Vinh thuộc huyện Châu Thành.

2002

Công ty đưa vào sử dụng Trạm cấp nước thị trấn Tiểu Cần huyện Tiểu Cần công suất 1.200 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn OECF viện trợ Chính phủ Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách.

2004

Công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Cầu Quan huyện Tiểu Cần và Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè huyện Cầu Kè công suất mỗi trạm 720 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn JBIC Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách.

2008

Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước từ Công ty Công trình Đô thị về Công ty

2010

Tháng 12/2010, thực hiện chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2011.

2015

Thực hiện Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 13/05/2014 và Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh.

2016

Ngày 07/12/2016 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức trở thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

2017

Ngày 12/04/2017, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/ UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 11/12/2017, ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TVW tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2019

Ngày 08/05/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

2020

TRAWACO đã cho ra mắt dịch vụ đăng ký sử dụng nước và gửi yêu cầu hỗ trợ thông qua Zalo.
Thanh toán hóa đơn điện nước qua ví điện tử Momo.

Hơn 25 năm thành lập và phát triển, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:

HAI NĂM LIỀN UBND tỉnh tặng Cờ **ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA** năm 2011, năm 2012.

BẰNG KHEN của Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh tặng **DANH HIỆU TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC**

BCH Trung ương Hội Cấp thoát nước Việt Nam tặng **BẰNG KHEN ĐƠN VỊ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ** sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống công nhân viên chức năm 2012.

Ngành nghề kinh doanh



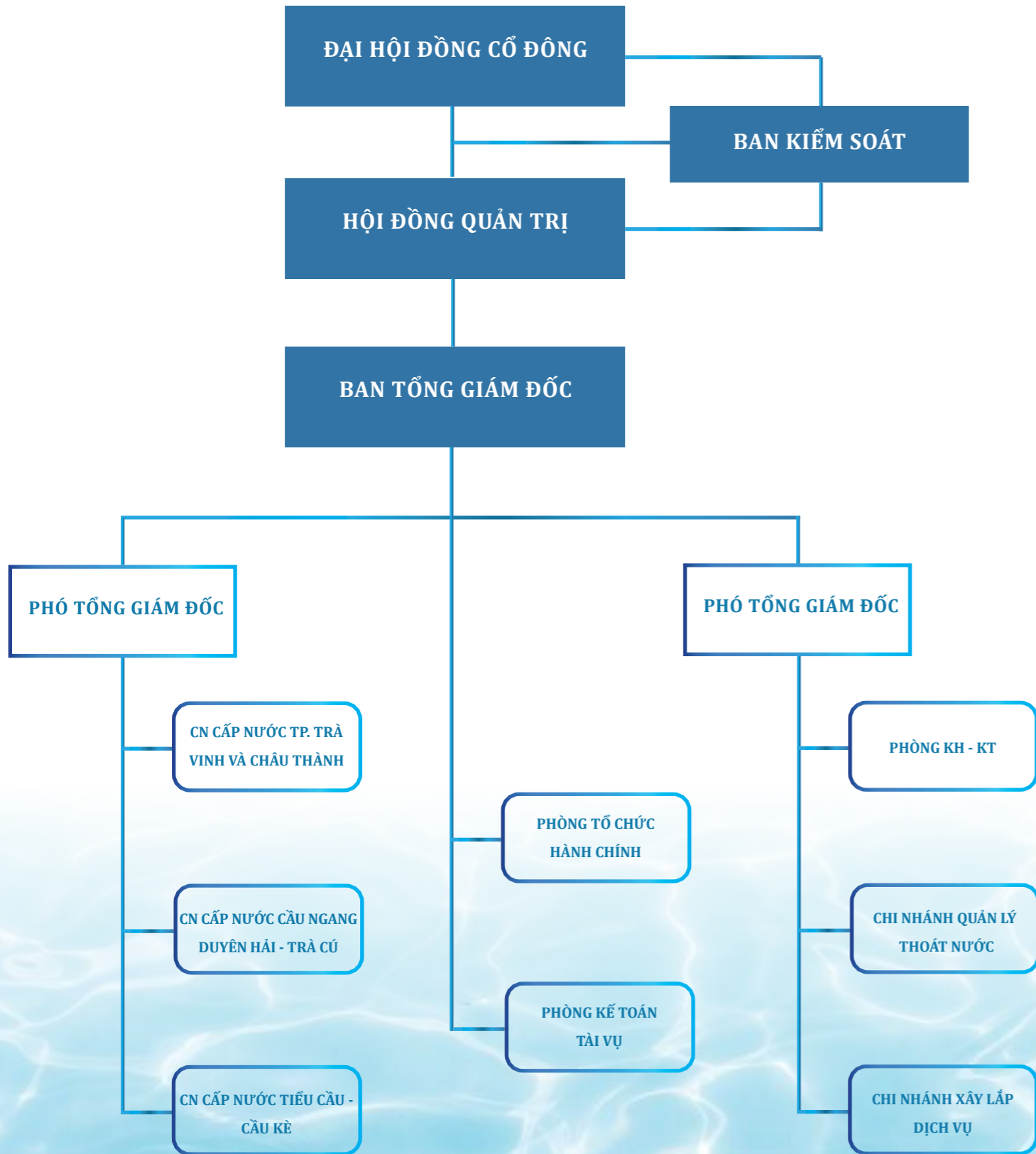
- ◆ Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh; Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ;
- ◆ Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- ◆ Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước, thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước;
- ◆ Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước;
- ◆ Dịch vụ thoát nước công cộng;
- ◆ Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- ◆ Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai;
- ◆ Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- ◆ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ◆ Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng.

Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính Công ty đặt số 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trawaco cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là Tp. Trà Vinh và các thị trấn trong toàn tỉnh Trà Vinh.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Công ty có 5 đơn vị trực thuộc đang hoạt động, bao gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Cấp Nước Tp. Trà Vinh và Châu Thành	521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
2	Chi nhánh Cấp Nước Cầu Ngang - Duyên Hải - Trà Cú	Khóm Thống Nhất, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
3	Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ	521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
4	Chi nhánh Cấp nước Tiểu Cần - Cầu Kè	Ấp Cầu Tre, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
5	Chi nhánh Quản lý Thoát nước	Lê Lợi, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngoài ra Công ty còn có các trạm bơm và cung cấp nước trực thuộc các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Quan, Cầu Kè, Châu Thành, Mỹ Chánh.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải.
Hoạt động chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ góp vốn: 20%.



Các mục tiêu chủ yếu

- » Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- » Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- » Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- » Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- » Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường; Đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ, kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- » Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc, đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

TRAWACO chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

Các mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

- » Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- » Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.



Cam kết thực hiện:

- » Tuân thủ luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- » Quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội, ...
- » Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- » Đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải (khí và nước) chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.



Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố cơ bản như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, chỉ số tiêu dùng, ... Hiện nay, do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như dân số có sự gia tăng đáng kể nên nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn Thành phố Trà Vinh và vùng lân cận ngày càng tăng, trung bình khoảng 8%/năm. Nhà máy nước Trà Vinh đang khai thác vượt công suất nhưng vẫn không đủ cung cấp cho người sử dụng. Dự kiến, nếu mỗi năm nhu cầu dùng nước của Thành phố Trà Vinh và vùng lân cận tăng 8 - 10% thì đến năm 2021 và những năm tiếp theo lượng nước sẽ thiếu hụt nghiêm trọng, đặc biệt trong mùa khô năm 2021.

Giai đoạn 2016 - 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tỉnh Trà Vinh bình quân tăng 11,22%/năm; năm 2020 trong điều kiện khó khăn chung, tăng trưởng GRDP vẫn đạt 3,32% là mức tăng trưởng khá so với cả nước. Quy mô kinh tế được nâng lên, năm 2020 gấp 1,81 lần so với đầu giai đoạn; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn khoảng 1,5%. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng lên đến 70,59% trong GRDP. Đây là một trong những tiền đề giúp nền kinh tế tỉnh Trà Vinh phát triển và dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.



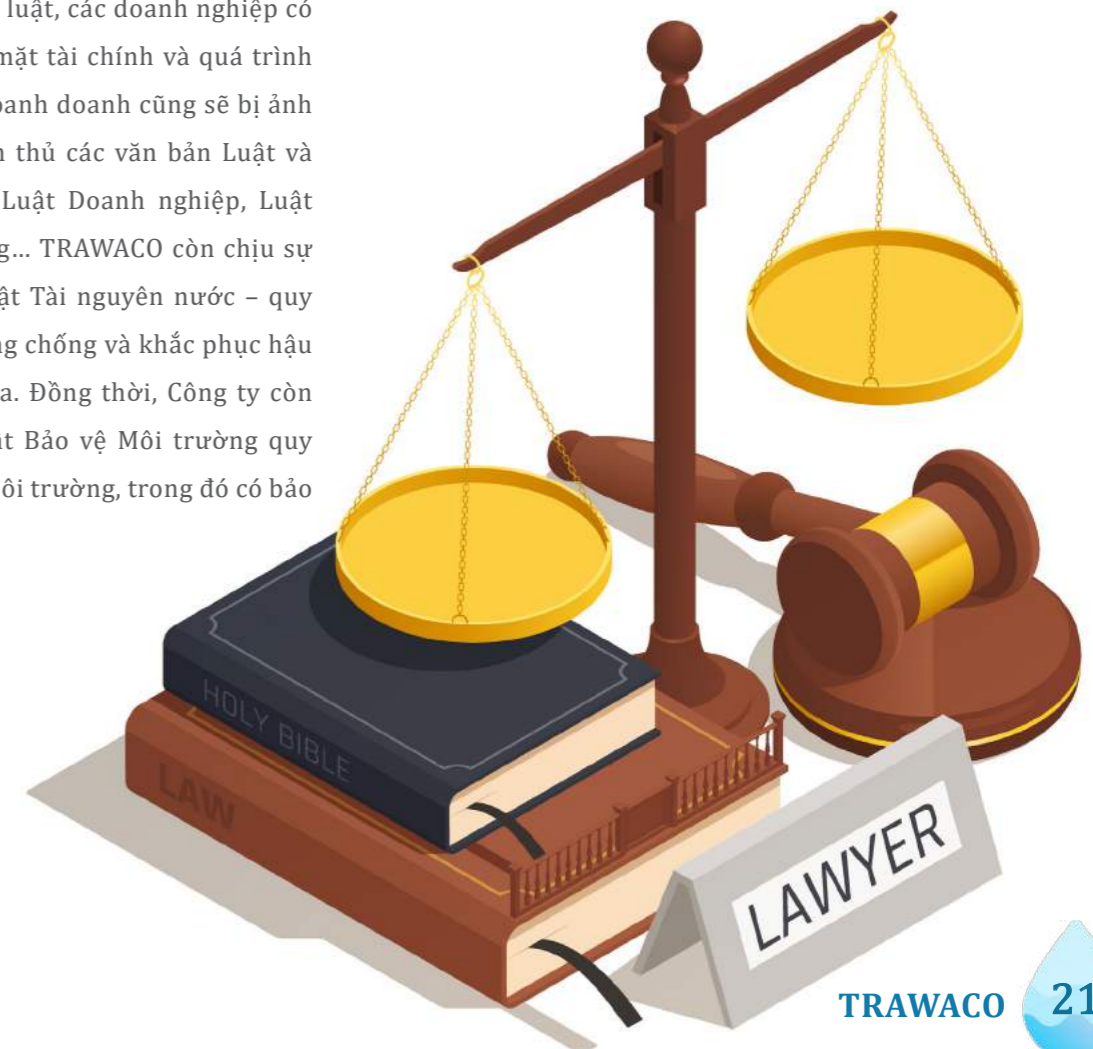
Trà Vinh nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, là cửa ngõ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ra biển Đông; hệ thống giao thông kết nối vùng, liên vùng khá đồng bộ, tạo lợi thế thu hút vốn đầu tư trong nước lẫn nước ngoài vào địa phương. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có một khu kinh tế, ba khu công nghiệp và 14 cụm công nghiệp; đặc biệt trong năm 2020, dự án Khu Công nghệ cao TVPharm với mức vốn đầu tư giai đoạn I lên đến 650 tỉ đồng chính thức được khởi công xây dựng, kéo theo sự dịch chuyển lực lượng lao động từ các vùng, khu vực khác đến Trà Vinh. Từ đó, nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất tăng lên, góp phần vào sự tăng trưởng doanh thu của TVW. Bên cạnh đó, với tốc độ tăng nhanh của dân số đô thị, tốc độ xây dựng và phát triển đô thị ngày càng cao đã tạo áp lực cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Trong đó, lĩnh vực cấp thoát nước cực kỳ quan trọng đối với đời sống cư dân đô thị.

Trong xu hướng chung khả quan đó, TRAWACO được kỳ vọng sẽ đạt được sự tăng trưởng cao trong những năm tới. Tuy nhiên, TRAWACO không chủ quan, để đưa ra các chính sách phát triển phù hợp.

Rủi ro pháp luật

Các chính sách pháp luật chi phối trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và TRAWACO nói riêng. Nếu không nắm rõ các quy định pháp luật dẫn đến việc vi phạm pháp luật, các doanh nghiệp có thể phải chịu thiệt hại về mặt tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh doanh cũng sẽ bị ảnh hưởng. Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản Luật và dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động... TRAWACO còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật Tài nguyên nước - quy định về quản lý nước, phòng chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra. Đồng thời, Công ty còn chịu sự kiểm soát của Luật Bảo vệ Môi trường quy định về hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có bảo vệ môi trường nước.

Ngày 12/06/2020, Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp 2020 và sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày 01/01/2021. Do đó, TRAWACO cần phải chú ý và điều chỉnh hoạt động tuân theo các quy định hiện hành. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật của nước ta, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế được sẽ có sự thay đổi trong thời gian tới do Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam, thu hút nguồn vốn nước ngoài. Vì vậy, TRAWACO phải liên tục cập nhật những thông tin mới tránh gây ra những tổn thất về tài chính cũng như hình ảnh của công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro giá đầu vào

Hiện nay, các chi phí đầu vào như chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu đầu vào thay đổi liên tục, đơn giá nước đầu ra thường không theo kịp tốc độ tăng của chi phí đầu vào. Trong khi đó, nước sạch sinh hoạt là một tài nguyên quan trọng do Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể (ở đây chính là do UBND Thành phố phê duyệt mức giá nước mà doanh nghiệp đưa ra dựa theo các quy định về tính giá). Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước có thể xem xét điều chỉnh giá khi có biến động như thay đổi công nghệ xử lý nước, quy chuẩn về chất lượng dịch vụ, các thay đổi về cơ chế chính sách có liên quan. Điều này gây ra cho các doanh nghiệp cùng ngành trong đó có TRAWACO những khó khăn nhất định về mặt tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp cần đưa ra các chiến lược phù hợp, hiệu quả nhằm giảm thiểu chi phí, đạt được lợi nhuận mục tiêu.



Rủi ro hoạt động

Thất thoát nước là một trong những rủi ro luôn song hành và ảnh hưởng đến lợi nhuận của các công ty cấp nước. Nguyên nhân của tình trạng thất thoát nước này là do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, hoặc do các công trình khác vô tình tác động đến hệ thống đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính.

Mặt khác, do sự tăng trưởng kinh tế, dân số, đặc biệt là những tác động của biến đổi khí hậu cũng như hiện tượng sử dụng nước giếng khoan ở trong dân cư, ở các khu công nghiệp đã ảnh hưởng mạnh tới nguồn nước ngầm, khiến nguồn nước ngầm bị suy thoái nghiêm trọng cả về lượng lẫn chất.

Vì vậy, Công ty sẽ chú trọng đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch của toàn bộ hệ thống cấp nước. Đồng thời, TRAWACO tập trung khai thác nguồn nước mặt có chất lượng tốt để hạn chế khai thác nước ngầm; tăng cường đầu tư hệ thống xử lý chất lượng nước cho các trạm huyện; đầu tư phát triển mạng lưới ống phân phối và phát triển khách hàng gắn với đầu tư, ứng dụng công nghệ tự động hóa.

Rủi ro môi trường

Trong thời gian gần đây, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề được dư luận quan tâm nhất. Là địa phương nằm ven biển, tỉnh Trà Vinh dường như năm nào cũng chịu ảnh hưởng của tình trạng xâm nhập mặn hay hạn nặng. Ngày 15/09/2020, tại Hội nghị tổng kết công tác phòng chống hạn, mặn mùa khô năm 2019 - 2020 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh tổ chức, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh - Phạm Minh Truyền cho biết đợt hạn, mặn trong mùa khô 2020 vừa qua đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và dân sinh trên địa bàn tỉnh, với tổng ước tính thiệt hại khoảng 1.000 tỷ đồng. Xâm nhập mặn ảnh hưởng đến mạch nước ngầm, nguồn nước cung cấp chính của Công ty. Đây là trở ngại lớn cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn cung ứng và chất lượng nguồn nước sạch khi việc xử lý khắc phục mặn dẫn đến tốn kém nhiều chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là vào mùa khô. Vì vậy, Công ty cần phải chú trọng việc tìm kiếm những biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời và nhanh chóng.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro hiếm xảy ra nhưng có thể gây ra những thiệt hại lớn cho Công ty. Đó là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động... Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, cho hoạt động kinh doanh liên tục tránh các tổn thất không đáng có, TRAWACO luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



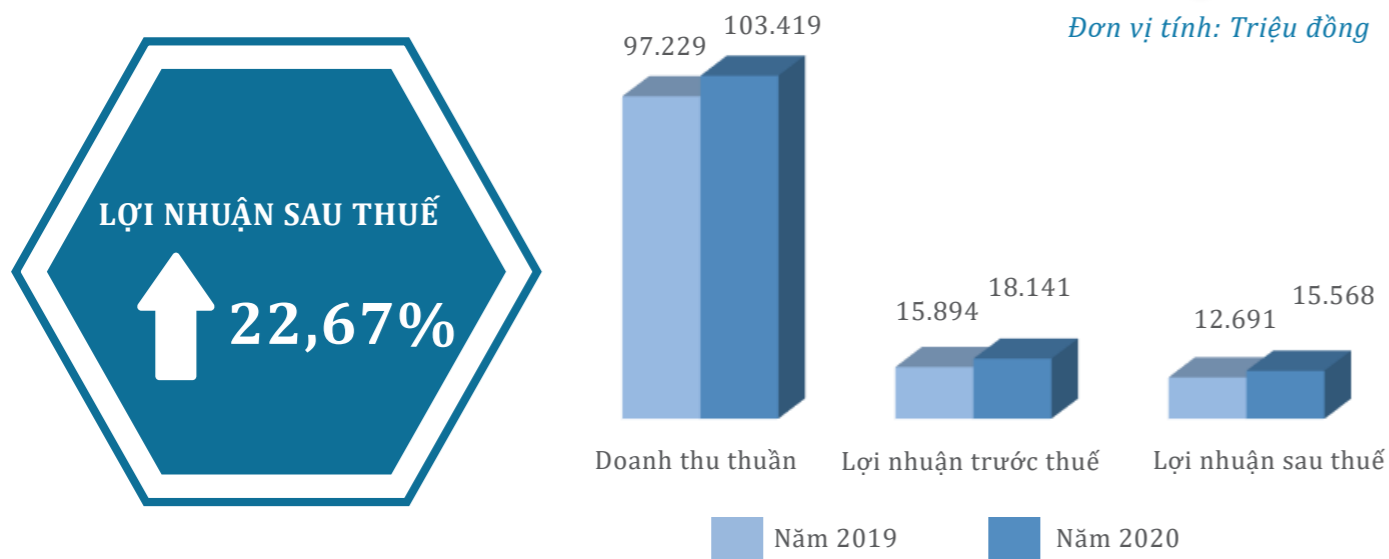
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Tổ chức, nhân sự	28
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	34
Tình hình tài chính	35
Cơ cấu cổ đông	38
Báo cáo phát triển bền vững	40



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	%Thực hiện 2020/Kế hoạch 2020	%Thực hiện 2020/Thực hiện 2019
Doanh thu thuần	97.229	103.447	103.419	99,97%	106,37%
Lợi nhuận trước thuế	15.894	15.786	18.141	114,92%	114,14%
Lợi nhuận sau thuế	12.691	12.629	15.568	123,27%	122,67%



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh vào năm 2020 của Công ty đạt những kết quả rất đáng khích lệ, góp phần vào thành tích chung cho ngành cấp nước tỉnh Trà Vinh. Cụ thể, doanh thu thuần tăng 6,37% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân của việc tăng trưởng này là nhờ vào việc Công ty mở rộng và phát triển mạng lưới cung cấp nước sạch trong năm 2020, giúp tăng số lượng khách hàng sử dụng nước tại Thành phố Trà Vinh và các Thị trấn trong tỉnh.

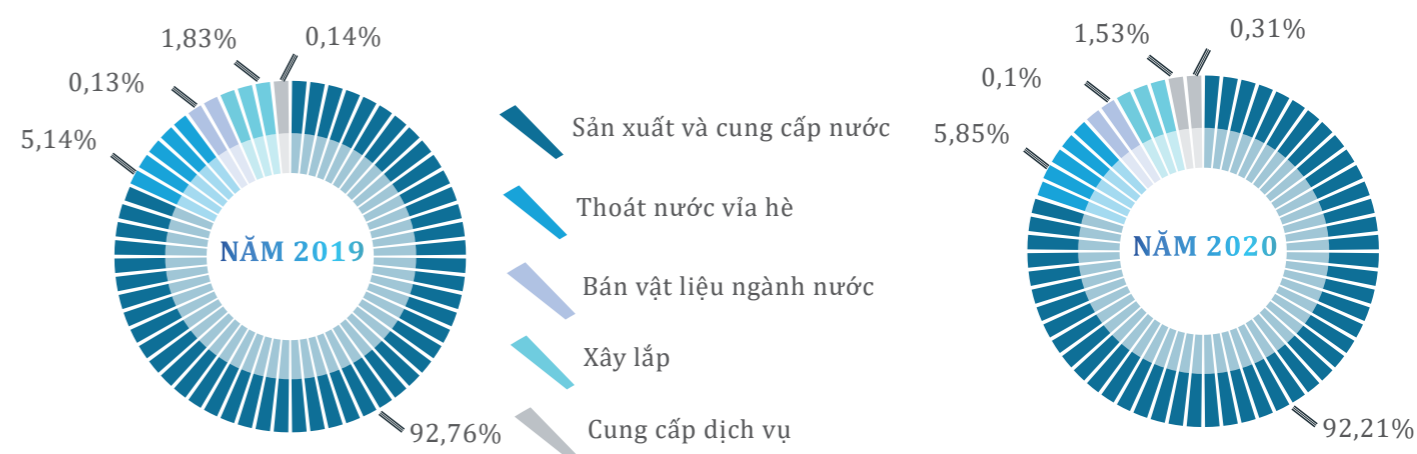
Đồng thời, đứng trước ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19, Công ty đã có những biện pháp kiểm soát tốt các chi phí như: chi phí điện năng giảm theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; tiết giảm tốt các chi phí trong quản lý và quản lý tốt hệ thống mạng lưới cấp nước nên tiết giảm được chi phí sửa chữa, giảm tỷ lệ thất thoát nước. Vì thế, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty trong năm 2020 so với năm 2019 đều giảm lần lượt là 15,08% và 12,40%.

Với những nỗ lực trên đã góp phần giúp lợi nhuận sau thuế năm 2020 của TRAWACO đạt 15.568 triệu đồng, tăng 22,67% so với năm 2019 và 23,27% so với kế hoạch được đề ra vào đầu năm. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của TRAWACO năm 2020 không bị ảnh hưởng quá nhiều từ những hậu quả mà đại dịch Covid-19 gây ra, sự tăng trưởng doanh thu thuần cũng như lợi nhuận sau thuế là dấu hiệu cho sự phát triển không ngừng của Công ty trong thời gian tới.

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		%tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	90.188	92,76%	95.365	92,21%	5,74%
Doanh thu thoát nước vỉa hè	5.000	5,14%	6.052	5,85%	21,04%
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	123	0,13%	104	0,10%	-15,45%
Doanh thu xây lắp	1.779	1,83%	1.582	1,53%	-11,07%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	140	0,14%	317	0,31%	126,43%
Tổng cộng	97.230	100,00%	103.420	100,00%	6,37%



Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thoát nước vỉa hè; Bán vật liệu ngành nước; Xây lắp và cung cấp dịch vụ. Trong đó doanh thu từ sản xuất và cung cấp nước chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty, cụ thể: năm 2020 doanh thu từ sản xuất và cung cấp nước máy chiếm 92,21% trong cơ cấu doanh thu thuần và tăng 5,74% so với năm 2019. Trong năm 2020, Công ty thực hiện mở rộng mạng lưới cung cấp nước trên địa bàn Thành phố Trà Vinh và các thị trấn lân cận, cụ thể phát triển ống nhánh lắp mới ở 3.936 hộ, tăng 16,2% so với năm 2019; sản lượng nước tiêu thụ năm 2020 đạt 12.356.279 m³, tăng 8,1% so với năm 2019 và tăng 2,4% so với kế hoạch (kế hoạch năm 2020 là 12.062.000 m³).

Bên cạnh đó, Trà Vinh thuộc vùng ngập do triều, bị úng cục bộ ở các tiểu vùng có địa hình thấp và kéo dài từ 03 đến 05 tháng, diện tích ngập úng năm 2020 tăng 3,49 lần so với năm 2019. Vì vậy, hoạt động thoát nước vỉa hè trở thành một mảng kinh doanh tiềm năng của Công ty và xếp thứ 2 trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu đạt 6.052 triệu đồng, tăng 21,04% so với cùng kỳ năm trước.

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Đoàn Thiện Duyên	Kế toán trưởng

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc	31/12/2020	
2	Phạm Hữu Ba	Thành viên HĐQT		01/06/2020
3	Võ Hoàng Khương	Thành viên HĐQT	18/06/2020	



Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành



Ông **NGUYỄN VĂN QUÝ** Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 25/12/1965
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 3.454.827 cổ phần

Quá trình công tác

1985 - 1987 Cán bộ chuyên quản tại Sở Tài chính Cửu Long.
 1987 - 1988 Kế toán trưởng tại các chương trình viện trợ Quốc tế Cửu Long.
 1988 - 1992 Kế toán trưởng tại Chương trình nước Cửu Long.
 1992 - 1996 Kế toán trưởng tại Chương trình nước Trà Vinh.
 1996 - 1998 Phó Chủ nhiệm, Phó Giám đốc tại Trung tâm nước và vệ sinh môi trường tỉnh Trà Vinh.
 1998 - 2000 Phó Giám đốc tại Công ty Điện nước sinh hoạt nông thôn.
 05/2001 - 12/2010 Phó Giám đốc tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh.
 01/2011 - 11/2016 Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.
 12/2016 - nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, chủ tịch Công đoàn cơ sở tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Quá trình công tác

1993 - 1994 Cán bộ kỹ thuật tại Sở Xây dựng Trà Vinh
 1995 - 2001 Cán bộ kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án địa phương thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.
 2002 - 2003 Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.
 2004 - 2011 Phó Giám đốc tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.
 2012 - 2014 Phó phòng Quản lý hoạt động xây dựng và chất lượng công trình tại Sở Xây dựng Trà Vinh.
 07/2014 - 11/2016 Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.
 12/2016 - nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.



Ông **TRƯƠNG HOÀNG DIỆP** Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/02/1970
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
 Cá nhân sở hữu: 2.100 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 3.308.848 cổ phần



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Ông ĐÀO THIỆT DUYÊN
Kế toán trưởng

Ngày sinh: 10/10/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế,
Thạc sĩ Kinh tế

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: 9.600 cổ phần

Quá trình công tác

08/1992 – 03/1995	Kế toán vật tư Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh).
04/1995 – 03/2003	Kế toán tổng hợp Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh).
04/2003 – 12/2008	Kế toán trưởng Công ty cổ phần nước khoáng Samvi Trà Vinh.
01/2009 – 07/2015	Kế toán trưởng Chi cục đăng kiểm Trà Vinh trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam
08/2015 – 12/2016	Phó phòng Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh
01/2017 – 12/2017	Phó phòng kế hoạch kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh
01/2018 – nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Số lượng người lao động (Tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	190	100%
1	Trình độ Đại học và trên đại học	68	35,79%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	44	23,16%
3	Công nhân kỹ thuật	61	32,11%
4	Sơ cấp	1	0,53%
5	Lao động phổ thông	16	8,42%
II	Theo giới tính	190	100%
1	Nam	167	87,89%
2	Nữ	23	12,11%

Lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.854.300	8.122.000	8.193.500	9.281.800



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

- ◀ Nhằm khuyến khích người lao động làm việc, hoàn thành tốt công việc, Công ty trả lương thưởng cho từng cá nhân, từng bộ phận theo chức danh và những đóng góp quan trọng khi hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo đời sống cho người lao động yên tâm công tác. Lương thưởng và các chế độ cho người lao động luôn thực hiện đúng quy định của pháp luật.
- ◀ Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên: Công ty tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty đạt hiệu quả cao.
- ◀ Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty sẽ thực hiện công tác điều động, luân chuyển công tác người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy năng lực cá nhân
- ◀ Hiện nay Công ty đang xây dựng thang, bảng lương mới theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước
- ◀ TRAWACO xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.



Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng:

Để có được nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty, TVW đặc biệt chú trọng đến công tác tuyển dụng, nhất là trong việc xây dựng chính sách tuyển dụng của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài:

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất, ...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

Chính sách phúc lợi

- ◀ Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.
- ◀ Một số chính sách phúc lợi cho người lao động đã thực hiện như: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; trang bị bảo hộ lao động cho người lao động trực tiếp sản xuất.
- ◀ Công ty định kỳ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi, rèn luyện sức khỏe để phục vụ sản xuất. Sử dụng các nguồn quỹ hiện có để tặng quà cho người lao động và con người lao động trong các dịp Lễ, Tết (Trung thu, Quốc tế thiếu nhi, Tết Âm lịch...)





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị tính: Đồng

STT	Dự án	Giá trị dự toán
1	Mua đất khoan thêm giếng số 15	270.000.000
2	Tư vấn xin cấp phép thăm dò đánh giá trữ lượng nước và xin cấp phép khai thác nước dưới đất của giếng số 15 và giếng số 16	445.536.000
3	Thi công khoan giếng số 16	703.816.987
4	Thi công khoan giếng số 15	703.816.987
5	Thuê tư vấn lập Đề án nâng công suất khai thác các giếng khu vực xã Mỹ Chánh và xã Đa Lộc	480.000.000
6	Thi công nhà trạm bơm, hàng rào, san lấp mặt bằng của giếng số 15	264.592.600
7	Thi công nhà trạm bơm, hàng rào, san lấp mặt bằng của giếng số 16	289.507.361
8	Đã chỉ định thầu lắp ống công nghệ và bơm của Trạm bơm giếng số 15	859.622.989
9	Đã chỉ định thầu lắp ống công nghệ và bơm của Trạm bơm giếng số 16	861.928.925



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	316.946	308.716	97,40%
2	Doanh thu thuần	97.229	103.419	106,37%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.099	17.832	118,10%
4	Lợi nhuận khác	795	309	38,87%
5	Lợi nhuận trước thuế	15.895	18.141	114,13%
6	Lợi nhuận sau thuế	12.691	15.568	122,67%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

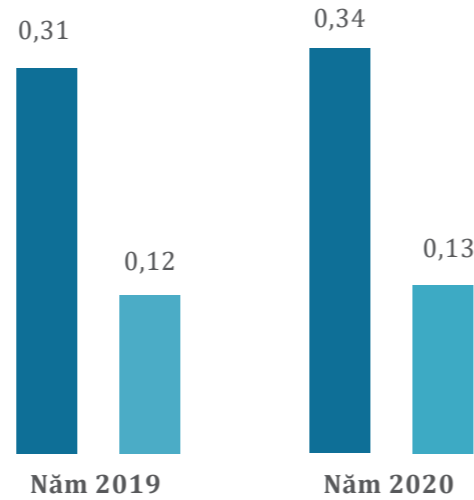
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,31	0,34
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,12	0,13
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	47,60	42,26
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	90,83	73,20
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	4,8	4,6
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,3	0,3
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	13,05	15,05
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,72	9,04
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,03	4,98
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,53	17,24



Khả năng thanh toán

Năm 2020, cả hai chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh đều không có nhiều sự thay đổi so với cùng kỳ năm trước đó và được duy trì ở mức ổn định, lần lượt là 0,34 lần và 0,13 lần. Tính đến thời điểm 31/12/2020, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 3,58%, chủ yếu là do khoản trả trước cho người bán như Công ty Cơ khí tỉnh Sóc Trăng, Công ty TNHH Xây Lắp Hoàng Long và Viện Công nghệ Khoan - Khai thác tăng lên khoảng 300 triệu đồng; hàng tồn kho chủ yếu đến từ nguyên vật liệu tăng 941 triệu đồng. Trong khi đó, nợ ngắn hạn lại giảm khoảng 5,72%, chủ yếu là do trong năm Công ty đã tiến hành chi trả khoản chi phí cho dự án Nhà máy nước Thị xã Duyên Hải với giá trị bằng 2,543 triệu đồng. Nhìn chung, TRAWACO vẫn giữ được khả năng chi trả tốt các khoản nợ của mình, song song đó Công ty cần phải thường xuyên chú ý theo dõi, dự phòng những biện pháp phòng tránh rủi ro tài chính để đảm bảo khả năng thanh toán của mình.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

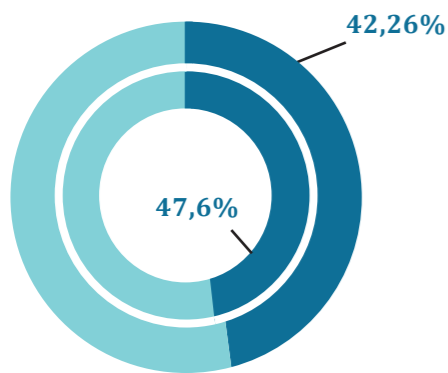


■ Hệ số thanh toán ngắn hạn
 ■ Hệ số thanh toán nhanh



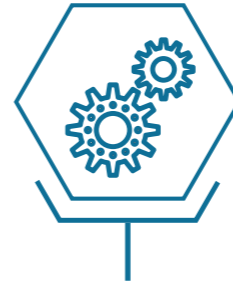
Cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản



Vòng trong: Năm 2019
 Vòng ngoài: Năm 2020

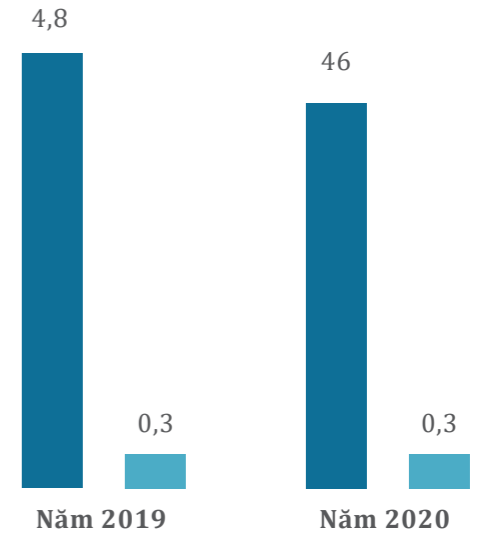
Trong năm 2020, cả hai chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể Hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 47,60% và 90,83% xuống còn 42,64% và 73,20%. Nguyên nhân do trong năm 2020, TRAWACO đã trả bớt nợ gốc các khoản vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển - DA TT Duyên Hải và NH Phát triển - DA TT Tiểu Cầu - Cầu Quan, làm cho khoản vay tài chính này giảm 10.035 triệu đồng. Đồng thời, Công ty cũng tiến hành thanh toán hết khoản phải trả dài hạn với Công ty Cổ phần Nước & Môi trường Đồng Bằng với giá trị là 6.316 triệu đồng. Vì vậy, tổng nợ phải trả của TVW giảm 13,51%, tương đương giảm 20.380 triệu đồng. Điều này cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty cũng đang ngày càng được tăng lên.



Năng lực hoạt động

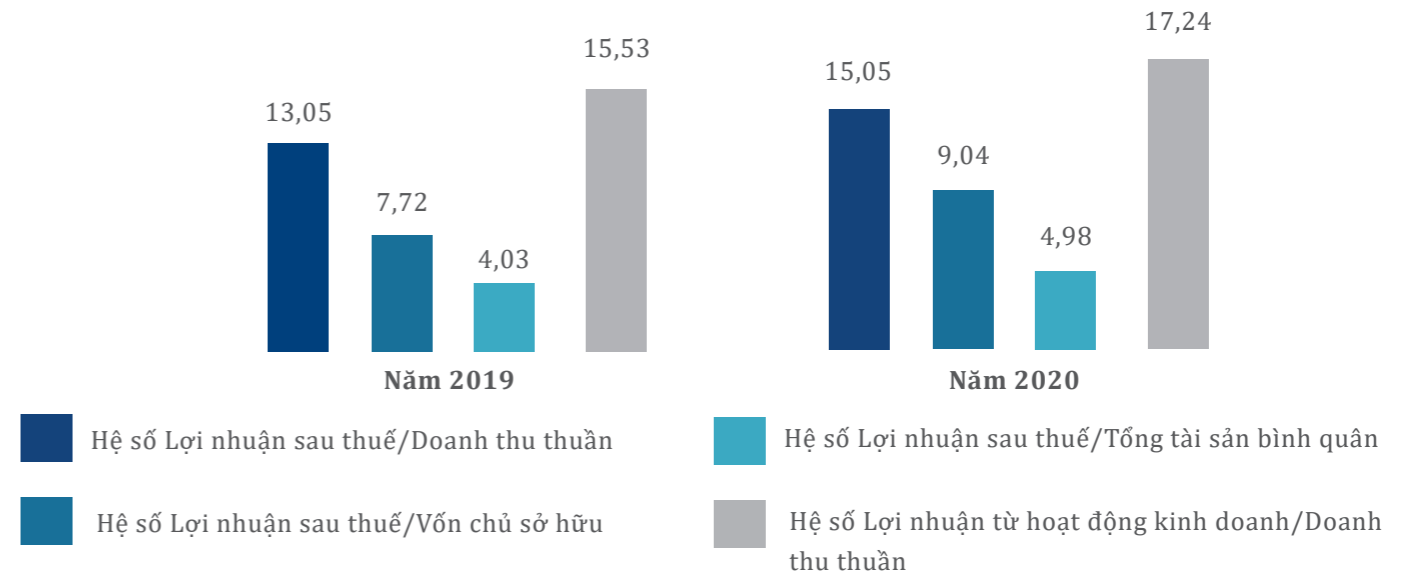
Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các nguyên liệu, vật liệu, các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước... Tại ngày 31/12/2020, hàng tồn kho tăng khoảng 940 triệu đồng, tương đương tăng 7,18% so với cùng kỳ năm 2019, dẫn đến vòng quay hàng tồn kho đạt 4,6 vòng. Để sản xuất và cung cấp nước sạch cho cộng đồng, các doanh nghiệp cấp nước cần có hệ thống xử lý nước, bể chứa, mạng lưới đường ống dẫn nước... Do đó, tài sản của các doanh nghiệp trong ngành cấp thoát nước thường có giá trị rất lớn. Điều này làm cho vòng quay tổng tài sản tương đối nhỏ. Vòng quay tổng tài sản của TRAWACO năm 2020 vẫn giữ được mức ổn định như cùng kỳ năm trước là 0,3 vòng.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



■ Vòng quay hàng tồn kho
 ■ Vòng quay tổng tài sản

KHẢ NĂNG SINH LỜI



■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
 ■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
 ■ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
 ■ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần



Khả năng sinh lời

Năm 2020, hệ số khả năng sinh lời của Công ty khá tốt, đều tăng so với cùng kỳ năm trước đó. Nhờ vào việc công ty mở rộng và phát triển mạng lưới cung cấp nước sạch đồng thời kiểm soát tốt chi phí bán hàng lẫn chi phí quản lý doanh nghiệp nên lợi nhuận sau thuế của TRAWACO tăng lên. Vì thế mà các chỉ số ROS, ROE, ROA đều tăng lần lượt bằng 15,05 %, 9,04% và 4,98%. Bên cạnh đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 18,56% do đó mà hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần cũng tăng lên bằng 14,14%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.597.860 cổ phiếu
 - >> Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.597.860 cổ phiếu
 - >> Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 16/11/2020)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông trong nước	184	14.597.860	100,00%
1	Cá nhân	179	369.200	2,53%
2	Tổ chức	5	14.228.660	97,47%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	184	14.597.860	100,00%





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty sử dụng các hóa chất xử lý nước như: Clo, phèn, vôi, ... cho quá trình xử lý nước để tạo nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Dù là hóa chất thông dụng nhưng Công ty vẫn cần có những biện pháp bảo quản hợp lý, không lạm dụng hóa chất tránh gây hại cho môi trường sống. Bên cạnh đó, Công ty cần chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư.

Tiêu thụ nước

Là doanh nghiệp cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Trà Vinh và các vùng lân cận, TRAWACO nhận thức rõ nước đóng vai trò rất quan trọng trong sinh hoạt cũng như sản xuất của con người. Vì thế, Công ty luôn khuyến khích toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động sử dụng tiết kiệm, hợp lý nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ điện năng để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Chi phí điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị, văn phòng và nhà máy nước. Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nguyên nhiên vật liệu và khuyến khích toàn thể CBCNV thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, phối hợp với các ngành chức năng (Bộ Tài nguyên) để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động về lương thưởng và các chế độ cho người lao động.
- Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động; Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị.
- Thực hiện tốt các chính sách lương, thưởng nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành tốt công việc cũng như yên tâm công tác tại Công ty.
- Thực hiện tốt chính sách phúc lợi lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc, ...



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Luôn tích cực thực hiện và khuyến khích cán bộ công nhân viên tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện do địa phương tổ chức giúp nâng cao trách nhiệm, tinh thần của mỗi cá nhân đối với xã hội.
- Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ cho UBND Thành phố, thị xã, thị trấn và các xã về chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	44
Tình hình tài chính	45
Những cải tiến trong năm	46
Kế hoạch phát triển trong tương lai	47
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội Công ty	48



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Doanh thu thuần	97.229	103.419	106,37%
2	Giá vốn hàng bán	55.546	61.883	111,41%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.684	41.536	99,64%
4	Doanh thu tài chính	233	30	12,88%
5	Chi phí tài chính	967	1.367	141,37%
6	Chi phí bán hàng	10.395	8.828	84,93%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.456	13.538	87,59%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.099	17.832	118,10%
9	Thu nhập khác	1.174	428	36,46%
10	Chi phí khác	379	119	31,40%
11	Lợi nhuận khác	795	309	38,87%
12	Lợi nhuận trước thuế	15.894	18.141	114,14%
13	Lợi nhuận sau thuế	12.691	15.568	122,67%

Năm 2020, các chính sách do Ban lãnh đạo của TRAWACO đề ra chủ yếu tập trung vào hoạt động cốt lõi của Công ty là hoạt động cung cấp nước sạch. Trong năm, TRAWACO thực hiện công tác hạn chế thất thoát nước, triển khai các công trình cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước theo kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công tác quản lý điều hành, phục vụ khách hàng không ngừng được cải tiến. Đời sống và chính sách đối với người lao động luôn được lãnh đạo đơn vị quan tâm sâu sắc.

Năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của Công ty đạt mức tăng trưởng khá tốt, hầu hết các chỉ tiêu đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần tăng 6,37%, tương đương tăng 6.190 triệu đồng do việc mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Trà Vinh và các vùng lân cận, lượng khách hàng sử dụng cũng tăng lên. Đồng thời, khoản chi phí tài chính cũng tăng 41,37% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do lãi tiền vay đến từ khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh tăng lên. Khoản vay này được Công ty bổ sung vào vốn lưu động, phục vụ hoạt động mở rộng mạng lưới cung cấp nước. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên một số chi phí giảm như: Chi phí điện năng theo Chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Do đó, vào cuối năm 2020 Doanh nghiệp ghi nhận tăng 22,67% lợi nhuận sau thuế so với năm trước, tăng từ 12.691 triệu đồng lên 15.568 triệu đồng. Đây đều là nhờ vào sự nỗ lực chỉ đạo kịp thời trong việc quản lý điều hành, ứng dụng công nghệ, thực hiện các biện pháp giúp tiết kiệm chi phí, đồng thời giảm tỷ lệ thất thoát nước của Ban lãnh đạo của Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		%2020/2019
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	21.887	6,91%	22.671	7,34%	103,58%
Tài sản dài hạn	295.058	93,09%	286.045	92,66%	96,95%
Tổng tài sản	316.945	100,00%	308.716	100,00%	97,40%

Cơ cấu tài sản của TRAWACO tại thời điểm 31/12/2020 vẫn không có nhiều sự thay đổi so với cùng kỳ năm 2019, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn với 92,66%, còn lại là 7,34% là tài sản ngắn hạn. Với đặc thù là doanh nghiệp cấp thoát nước sạch nên giá trị của tài sản cố định hữu hình (hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, nhà máy, bồn chứa, ...) luôn duy trì ở mức cao, đạt 269.501 triệu đồng. Tài sản dài hạn vào ngày 31/12/2020 giảm 3,05% so với năm trước, chủ yếu là do khoản trích khấu hao tài sản cố định hữu hình.

Trong khi đó, tài sản ngắn hạn đạt 22.671 triệu đồng, tăng 3,58% so với cùng kỳ. Sự gia tăng này đến từ khoản trả trước cho Công ty CP Cơ khí tỉnh Sóc Trăng, Công ty TNHH Xây lắp Hoàng Long và Viện Công nghệ Khoan – Khai thác tăng lên. Ngoài ra, hàng tồn kho cũng ghi nhận tăng thêm 940 triệu đồng so với năm 2019.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		%2020/2019
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	71.252	47,23%	67.174	51,48%	94,28%
Nợ dài hạn	79.606	52,77%	63.304	48,52%	79,52%
Tổng nợ phải trả	150.858	100,00%	130.478	100,00%	86,49%

Cơ cấu nợ phải trả của TRAWACO có sự thay đổi khá nhiều khi tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm lớn hơn nợ dài hạn, cụ thể: nợ ngắn hạn có tỷ trọng tăng từ 47,23% lên 51,48%; tỷ trọng nợ dài hạn thì giảm từ 52,77% xuống 48,52%. Nguyên nhân của việc dịch chuyển tỷ trọng trong nợ phải trả của TRAWACO chủ yếu do khoản nợ dài hạn giảm đến 20,48%, trong khi nợ ngắn hạn chỉ giảm 5,72% so với cùng kỳ năm trước.

Nợ dài hạn của TVW trong năm chủ yếu từ khoản vay tài chính dài hạn và các khoản phải trả dài hạn khác. Khoản vay tài chính giảm 13,74% do Công ty tiến hành chi trả bớt nợ vay. Đồng thời, khoản phải trả người bán với Công ty CP nước và môi trường Đồng Bằng được TVW thực hiện thanh toán hết, khoảng 6.316 triệu đồng.

Ngoài ra, hầu hết các khoản mục trong nợ ngắn hạn đều có xu hướng tăng, trong đó tiêu biểu là khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tăng lên, kịp thời bổ sung vào vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM



- » Kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác phối hợp để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Nâng cao chất lượng đội ngũ, cán bộ quản lý, chất lượng công việc.
- » Đổi mới phương thức quản lý, giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm, phát huy tính chủ động và trách nhiệm của người quản lý, của người lao động, tạo động lực phát huy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động.
- » Xây dựng để ban hành thực hiện các chính sách quản lý nội bộ phù hợp với phương thức quản lý doanh nghiệp sau khi chuyển sang công ty cổ phần và theo qui định của pháp luật.
- » Có chính sách đãi ngộ cán bộ để thu hút cán bộ như thực hiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc, cũng như có quy chế phạt nghiêm nếu có các hành vi vi phạm các quy định của Công ty.
- » Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt, nhằm tiếp thu những góp ý của khách hàng để không ngừng cải thiện, nâng cao dịch vụ khách hàng.
- » Xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng như bảo vệ nguồn tài nguyên nước.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	13.291.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	120.668
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.604
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.883





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



01

Tích lũy nguồn vốn tự có và tìm kiếm nguồn vốn thích hợp để có đủ tiềm lực về tài chính thực hiện đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối phát triển khách hàng, đầu tư xây dựng, phát triển sản xuất. Xác định việc đầu tư phát triển mạng lưới, phát triển khách hàng là sự phát triển bền vững của Công ty.

Biện pháp triển khai

thực hiện

02

Tập trung nghiên cứu hoặc thuê chuyên gia tìm giải pháp tối ưu nhất trong quá trình xử lý nước của thành phố Trà Vinh, huyện Cầu Ngang và huyện Tiểu Cần.

03

Tăng cường công tác kiểm tra, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

04

Tăng cường công tác tuyên truyền các biện pháp giáo dục ý thức trách nhiệm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty với mục tiêu nâng cao thương hiệu, hướng tới khách hàng, vì khách hàng phục vụ. Có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

05

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định, quy chế làm việc, tăng cường công tác phối hợp, thực hiện nghiêm túc việc phân loại, đánh giá định kỳ, chấn chỉnh ý thức làm việc của người lao động về việc thực hiện nội quy, quy định của Công ty. Xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động Chi nhánh xây lắp - Dịch vụ, các chi nhánh cấp nước và sản xuất nước sạch

06

Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch năm 2021 là 12,3%, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh

07

Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

08

Chỉ đạo điều hành cơ cấu tổ chức công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành, tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.

09

Thực hiện chức năng quản trị công ty theo đúng quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT, được quy định tại Điều lệ tổ chức, hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TRAWACO xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Đồng thời TRAWACO cũng sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và nước phục vụ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần tiết kiệm cho toàn bộ CBCNV nhằm tối thiểu chi phí cho Công ty

Công ty thường xuyên lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương, thực hiện các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty	54
Về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	56
Kế hoạch và định hướng	58



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CÁC MẶT CÒN TỒN TẠI

CÁC MẶT ĐẠT ĐƯỢC

Về quản trị doanh nghiệp

- » Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tình hình kinh tế xã hội có nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, việc làm, thu nhập của người dân, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn đóng cửa hoặc giảm công suất, giảm giờ làm nhưng hoạt động Công ty có những điều chỉnh cho phù hợp nên vẫn luôn ổn định, người lao động công ty được đảm bảo việc làm và thu nhập. Tình hình sản xuất kinh doanh phát triển tăng so với năm 2019.
- » Công tác quản trị doanh nghiệp dần đi vào nề nếp, công tác quản lý dần theo thông lệ tốt, các chi phí quản lý chặt chẽ, việc đầu tư mua sắm được áp dụng theo cơ chế tốt nhất có lợi nhiều cho Công ty.
- » Người lao động bước đầu đã có niềm tin vào công tác quản lý, điều hành nên tự giác phát huy tăng năng suất lao động, có sáng tạo trong công việc. Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khuyến khích về kinh tế tạo cho người lao động phát huy năng lực sáng tạo và tăng năng suất lao động.

Về quản trị doanh nghiệp

- » Vẫn còn một số ít lãnh đạo các cấp và người lao động chưa nhiệt huyết với công việc, chưa tập trung đầu tư chiều sâu cho việc phát triển Công ty cũng như tăng năng suất lao động.
- » Công tác ngoại giao của Công ty để giải quyết các công việc có liên quan bên ngoài còn yếu.
- » Một số Chi nhánh còn lúng túng trong việc chủ động phối hợp với chính quyền địa phương trong việc vận động, tuyên truyền người dân sử dụng nước sạch và phát triển mạng phân phối.
- » Bộ máy tổ chức và nhân sự còn có khâu chưa hợp lý, chưa phù hợp làm giảm phần nào việc tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- » Mô hình quản lý doanh nghiệp cổ phần hóa bước đầu được vận dụng và điều hành nên vẫn cần thời gian thích nghi.

Về sản xuất

- » Nhu cầu sử dụng nước của khách hàng ngày càng cao vừa là cơ hội cũng là thách thức lớn vì Nhà máy nước TP. Trà Vinh đã hoạt động vượt công suất thiết kế, việc mở rộng nâng công suất nhà máy thực hiện chậm do gặp nhiều khó khăn về mặt thủ tục trong việc cấp phép khai thác và thi công; các dự án nước mặt bên ngoài đầu tư thì chậm.
- » Việc phát triển tuyến ống phân phối cũng gặp nhiều khó khăn trong giải phóng mặt bằng từ phía người dân và quản lý đường bộ.
- » Chất lượng nước biến động, độ cứng nước một số nhà máy cao, cần nhiều thời gian nghiên cứu giải pháp xử lý và kinh phí đầu tư xử lý.



Về sản xuất

- » Hội đồng quản trị Công ty quan tâm, ưu tiên phát triển các tuyến ống phân phối nhằm mở rộng thị phần, phát triển khách hàng.
- » Việc tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới ống phân phối, phát triển khách hàng đã mang lại hiệu quả, góp phần tăng sản lượng tiêu thụ, doanh thu và kết hợp với kiểm soát tốt chi phí nên lợi nhuận tăng.
- » Thất thoát nước duy trì ở mức thấp dưới 14%.

Về kinh doanh

- » Thực hiện giảm tiền nước sinh hoạt theo chính sách hỗ trợ ảnh hưởng của dịch COVID-19 trong 03 tháng làm giảm doanh thu trong năm 1,7 tỷ đồng.
- » Nguồn vốn cho đầu tư ít, vốn đối ứng không có nên cũng hạn chế vốn vay. Tình trạng thiếu vốn đầu tư vẫn tiếp diễn.
- » Chưa tạo được điểm hòa vốn ở Nhà máy nước Duyên Hải. Tỷ lệ khai thác thấp (chỉ đạt 17% so với công suất thiết kế) (tỷ lệ khai các NMN: Cầu Ngang-Mỹ Long: 64% ; Duyên Hải: 17%; Trà Cú: 56%; Cầu Kè: 38%; Tiểu Cần-Cầu Quan: 89%)
- » Môi trường kinh doanh gặp phải khó khăn khi mở rộng thị phần, mở rộng khách hàng do vướng tình trạng phân vùng cấp nước (giữa vùng cấp nước nông thôn và vùng cấp nước đô thị).

Bên cạnh những khó khăn đó Công ty còn phải chịu áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức và thưởng cho người lao động hàng năm, bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận, vẫn phải đảm bảo nguồn vốn tích lũy để trả nợ gốc, trả lãi vay Ngân hàng và đảm bảo tiền lương cho người lao động.

Về kinh doanh

- » Nhu cầu sử dụng nước của khách hàng ngày càng tăng là cơ hội thuận lợi để đầu tư phát triển sản xuất nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.
- » Các ngân hàng đều ủng hộ cho vay để đầu tư hoặc làm vốn lưu động.
- » Công tác quản lý tài chính và chi phí không ngừng cải thiện và đi vào nề nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- » Áp dụng hóa đơn điện tử đem lại hiệu quả cao hơn, tiết kiệm chi phí và thời gian.
- » Đưa ra chính sách khuyến mãi miễn phí lắp đặt đồng hồ nước được người dân đồng tình, thúc đẩy phát triển khách hàng.



“ Về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc ”

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020 và Nghị quyết số 70/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2020 của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm chỉ đạo, bao quát chung và phân công cho Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về từng lĩnh vực công tác cụ thể. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc có tầm ảnh hưởng, liên quan đến hoạt động chung của Công ty đều được Ban lãnh đạo điều hành tập trung trí tuệ tập thể để giải quyết, vì thế hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh luôn đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên trong Ban Lãnh đạo đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm chỉnh cơ chế, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty. Thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



“ CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ”

Năm 2021, môi trường hoạt động SXKD tiếp tục có những thuận lợi, nhu cầu sử dụng nước càng tăng cao. Việc phát triển các tuyến ống phân phối, đầu tư mở rộng phạm vi cung cấp nước, nâng công suất các nhà máy nước; Chất lượng dịch vụ, phục vụ,... có chương trình khuyến mãi hợp lý, nhằm mở rộng thị phần, tăng số lượng khách hàng, tăng doanh thu, lợi nhuận, đưa Công ty phát triển bền vững, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2021 như sau:

- » Nhất quán định hướng phát triển SXKD Công ty và chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển. Xác định chất lượng, liên tục, lưu lượng, áp lực là trọng tâm để tiếp tục thực hiện trong năm 2021 và những năm tiếp theo. Duy trì khối đoàn kết, thống nhất từ HĐQT, BKS, Ban Điều hành Công ty cùng toàn thể người lao động để quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà ĐHCĐ năm 2021 giao cho, đồng thời tạo tiền đề phát triển liên tục và bền vững.
- » Tiếp tục nghiên cứu xử lý các chỉ tiêu chất lượng nước nhằm nâng cao chất lượng nước phục vụ khách hàng.
- » Tăng lưu lượng cho các Nhà máy khai thác vượt và gần đạt ngưỡng công suất thiết kế. Xin chủ trương mua lại các nhà máy nước nhỏ lẻ của các đơn vị trong phạm vi cấp nước của Công ty nhằm tăng thị phần, tăng trách nhiệm phục vụ khách hàng.
- » Tích lũy nguồn vốn tự có và khai thác tốt các nguồn vốn đầu tư để phát triển các tuyến ống phân phối, ống tải theo kế hoạch năm 2021. Xác định việc đầu tư tăng sản lượng nguồn nước, phát triển mạng, phát triển khách hàng là sự phát triển bền vững của Công ty.
- » Mở cửa hàng mua bán vật tư chuyên ngành nhằm đa dạng hóa sản phẩm, giải quyết việc làm, tăng doanh thu; Đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời để tiết kiệm chi phí điện năng tạo nguồn sản phẩm kinh doanh mới.
- » Nghiên cứu tìm giải pháp xử lý tận dụng chất thải rắn để bảo vệ môi trường, giảm chi phí xử lý.
- » Tăng cường công tác kiểm tra, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- » Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt quyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- » Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với hàng loạt thay đổi theo quy định của pháp luật trong năm 2021, để tăng cường hiệu lực quản lý, điều hành SXKD đúng Điều lệ, Pháp luật nhưng nhanh, gọn, hiệu quả.
- » Phần đầu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch năm 2021 là 12,3%, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.
- » Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
- » Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

Ngoài ra HĐQT tiếp tục phối hợp để thực hiện hoàn thành việc thoái vốn nhà nước theo yêu cầu thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 4282/UBND-KT ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh chuyển nhượng 2.677.030 cổ phần tương ứng 18,34%/Vốn điều lệ theo quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	62
Ban Kiểm soát	75
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	77



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Trương Công Chiếm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Văn Quý	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Trương Hoàng Diệp	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Võ Hoàng Khương	Thành viên Hội đồng quản trị

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị



Ông: **TRƯƠNG CÔNG CHIẾM** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 21/09/1964
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 5.255.985 cổ phần

Quá trình công tác

05/1984 – 09/1989 Nhân viên tại ban Nông nghiệp Thị xã Trà Vinh.
 01/1990 – 09/1992 Tổ trưởng tổ thuế nông nghiệp Chi cục thuế Trà Vinh.
 10/1992 – 07/1995 Sinh viên Trường Đại học Tài chính TP.HCM.
 07/1995 – 05/1996 Kiểm soát viên phòng thuế Nông nghiệp Cục thuế tỉnh Trà Vinh.
 06/1996 – 09/1997 Phó phòng tại Phòng thuế NN cục thuế Trà Vinh.
 10/1997 – 10/1998 Trưởng phòng tại Phòng thuế NN cục thuế Trà Vinh.
 10/1998 – 01/2003 Trưởng phòng tại Phòng thu quốc doanh Cục thuế Trà Vinh.
 02/2003 – 03/2006 Trưởng phòng tại Phòng Quản lý doanh nghiệp Cục thuế Trà Vinh.
 04/2006 – 06/2007 Chi cục trưởng tại Chi cục thuế Cầu Ngang.
 07/2007 - 03/2008 Trưởng phòng tại Phòng thanh tra Cục thuế Trà Vinh.
 04/2008 – 02/2010 Trưởng phòng tại Phòng Quản lý nợ Cục thuế Trà Vinh.
 03/2010 – 11/2016 Phó Giám đốc tại Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.
 12/2016 - nay Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

>>> Ông **NGUYỄN VĂN QUÝ** và Ông **TRƯƠNG HOÀNG DIỆP**: Xem lý lịch Ban Điều hành



Ông **HUỲNH VĂN NHÂN** Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 15/12/1966
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 1.459.854 cổ phần

Quá trình công tác

02/1995 – 04/1996 Phó Quản đốc tại Xí nghiệp Nhựa Tân Tiến.
 05/1996 – 05/1997 Trưởng ban kế hoạch tại Công ty Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Nhựa Tân Tiến.
 06/1997 – 07/2001 Phó Giám đốc tại Xí nghiệp Nhựa Tân Tiến.
 07/2001 – 09/2002 Phó Giám đốc tại Công ty Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Nhựa Tân Tiến.
 10/2002 – 05/2006 Phó Giám đốc Thường trực tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến.
 06/2006 – nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến.
 12/2016 – nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Quá trình công tác

01/2002 - 07/2012 Nhân viên Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh.
 08/2012 - 11/2016 Nhân viên tổ xét Nghiệm nước phòng Kỹ thuật - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.
 12/2012 - 12/2017 Nhân viên tổ xét Nghiệm nước phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
 01/1/2018 - 27/08/2019 Phó Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Duyên Hải - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
 28/08/2019 - nay Phó Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang - Duyên Hải - Trà Cú thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
 18/06/2020 - nay Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Cấp thoát nước Trà Vinh.



Ông: **VÕ HOÀNG KHƯƠNG** Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 10/01/1982
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ sinh học, Thạc sĩ quản lý kinh tế
 Cá nhân sở hữu: 12.700 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Trương Công Chiếm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	13/13	100%	
2	Nguyễn Văn Quý	Thành viên Hội đồng quản trị	13/13	100%	
3	Trương Hoàng Diệp	Thành viên Hội đồng quản trị	13/13	100%	
4	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên Hội đồng quản trị	12/13	92,3%	
5	Võ Hoàng Khương	Thành viên Hội đồng quản trị	5/5	100%	Được bầu cử vào làm TV HĐQT từ ngày 18/06/2020.



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>Tại phiên họp Hội đồng quản trị Quý I/2020, HĐQT phê duyệt các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiếp tục thực hiện những công việc còn lại của các Nghị quyết năm 2019 của Hội đồng quản trị. Riêng việc xây dựng lại bậc của giá nước sinh hoạt lũy tiến theo hướng chỉ còn lại 3 bậc sẽ xem xét lại sau khi hoàn chỉnh phương án xử lý chất lượng nước của Tp Trà Vinh đạt theo tiêu chuẩn quy định; Thông nhất Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019; Thông nhất Kế hoạch SXKD năm 2020 theo tờ trình số 602/TTr-CTN ngày 31/12/2019 của Phó Tổng giám đốc điều hành (Kèm theo các Phụ lục 1 đến Phụ lục 9). <p>Một số chỉ tiêu chủ yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nước sản xuất: 13.762.360 m³ + Nước tiêu thụ: 12.062.170 m³ + Tổng Doanh thu & thu nhập khác: 103.447.000.000 đồng. + Lợi nhuận trước thuế: 15.786.000.000 đồng. + Cổ tức đề xuất (%/vốn điều lệ): 5,5%
1	04/NQ-HĐQT	16/01/2020	<p>4. Đồng ý xử lý một số chi phí vào giá thành của năm 2019, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiền trang phục bổ sung cho người quản lý, người lao động gián tiếp (kể cả lao động nữ) mức chi là 2 triệu đồng/người. Trạm trưởng, tổ trưởng, trạm phó, tổ phó 1 triệu đồng/người. Lao động trực tiếp còn lại cấp 1 áo đồng phục tương đương 1 triệu đồng/người (chi bằng tiền); Trích lập quỹ tiền lương dự phòng năm 2020, số tiền khoảng 1,7 tỷ đồng, tương đương khoảng 8% trên tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2019. <p>5. Thông nhất mức chi cho các thư ngõ có chính sách an sinh Xã hội 2019-2020 theo biên bản họp HĐQT số 01/BB-HĐQT ngày 16/01/2010. Thời gian thực hiện: Trước Tết nguyên đán 2020;</p> <p>6. Chi tiền thưởng ứng trước cho Người quản lý: 1 tháng lương cơ bản/người. Người lao động: khoảng 1,5 tháng lương cơ bản/người bằng 1,5 tỷ đồng. Riêng thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không hưởng lương của Công ty sẽ được chi 1,5 tháng thù lao/người từ Quỹ thưởng của Người quản lý;</p> <p>7. Thông nhất chi tiền Tết nguyên đán năm 2020: 2 triệu đồng/người, hạch toán vào chi phí của năm 2020;</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>8. Thống nhất thời gian tổ chức Hội nghị người lao động và Hội nghị khách hàng vào ngày 20/01/2020 (26 Tết). Dự kiến thời gian tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 trong tháng 04/2020;</p> <p>9. Thông qua phương án xác định mức lương mới cho Người lao động tại Công ty (Theo tờ trình số 13/TTr - CTN ngày 10/01/2020 của Phó Tổng giám đốc điều hành). Giao cho Ban Tổng Giám đốc hoàn chỉnh cách chuyển xếp lương và nâng bậc lương theo mức lương mới cho người lao động phù hợp và bắt đầu thực hiện từ ngày 01/04/2020;</p> <p>10. Thống nhất phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT;</p> <p>11. Việc Quy hoạch bổ sung hàng năm các chức danh lãnh đạo - Giai đoạn 2018 - 2023, giao Phó Tổng Giám đốc điều hành kết hợp với Đảng ủy để hoàn thiện và trình HĐQT xem xét, phê duyệt. Thời gian chậm nhất đến tháng 04/2020;</p> <p>12. Thống nhất chi trả chế độ trợ cấp thôi việc đối với Ông Triệu Quốc Tuấn (theo nguyện vọng cá nhân);</p> <p>13. Đồng ý khoán 90% chi phí xây dựng lán trại tạm theo hồ sơ quyết toán cho Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ trực tiếp thi công các công trình đấu nối trực tiếp vào mạng lưới cấp nước các trạm Huyện, Thị trong Tỉnh;</p> <p>14. Thống nhất vay vốn của Công ty cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải để thanh toán cho nhà thầu Dự án Đầu tư xử lý chất lượng nước ngầm, công suất 18.000 m³/ngày đêm. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm, tổng số tiền dưới 2 tỷ đồng.</p> <p>15. Đồng ý việc huy động vốn nhàn rỗi của người lao động trong Công ty có thời hạn, để đầu tư cho phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh, số tiền không hạn chế, với lãi suất cụ thể như sau: + Thời hạn 03 tháng: lãi suất 5,5%/năm; + Thời hạn 06 tháng: lãi suất 6,5%/năm; + Thời hạn 12 tháng: lãi suất 9%/năm.</p> <p>16. Thống nhất chủ trương thực hiện Dự án tiết kiệm điện năng do tập đoàn Grunfos đầu tư. Giao Ban Tổng Giám đốc bàn bạc, thống nhất cụ thể về phương án, điều kiện, hiệu quả và lợi ích mang lại của dự án và trình HĐQT xem xét trước khi ký hợp đồng;</p> <p>17. Việc đề xuất bổ nhiệm 01 Phó Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật phụ trách về mảng chất lượng nước cung cấp của Công ty là Bà Phan Thị Ngọc Thu. Thống nhất về chủ trương và giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục;</p> <p>18. Thống nhất đề xuất thành lập Tổ quản lý khu vực trên cơ sở sát nhập các tổ quản lý mạng, quản lý khách hàng, Tổ ghi thu, Tổ bảo trì, sửa chữa,... để tăng cường công tác quản lý mạng lưới cũng như giảm thiểu đến mức thấp nhất thất thoát, thất thu tiền nước;</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>19. Thông qua việc chọn 1 địa điểm tại Tp Trà Vinh hoặc các Huyện để đầu tư thử nghiệm lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời. Nếu đưa vào sử dụng, giá thành rẻ hơn so với giá mua điện của Điện lực thì sẽ tiếp tục đầu tư tại các địa điểm khác.</p>
2	08/NQ-HĐQT	27/02/2020	<p>1. Thống nhất huy động vốn từ người lao động của Công ty để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty. Cụ thể như sau: - Tổng số vốn huy động: Dưới 2 tỷ đồng; - Thời hạn huy động: Trên 12 tháng; - Lãi suất: 12%/năm.</p> <p>2. Thống nhất bổ nhiệm Bà Phan Thị Ngọc Thu - Tổ trưởng Tổ Xét nghiệm thuộc phòng Kế hoạch - Kỹ thuật giữ chức danh Phó Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, kể từ ngày 01/03/2020.</p>
3	13/NQ-HĐQT	12/03/2020	<p>1. Thống nhất thành lập Tổ Xây dựng giá thành nước máy trực thuộc Hội đồng quản trị, gồm các Ông (bà): Ông Mạc Tấn Lâm, ông Nghiêm Ngọc Tiên, Ông Đào Thiện Duyên, Bà Đặng Thị Bích Thủy, Ông Lê Thành Nam, Ông Huỳnh Minh Thế. Trong đó Ông Mạc Tấn Lâm làm Tổ trưởng;</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện tối đa là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Trường hợp có những khoản phát sinh vượt quá số đã phê duyệt, Tổ Xây dựng giá thành nước máy phải trình HĐQT xem xét, phê duyệt. Thủ tục thanh, quyết toán kinh phí thực hiện, giao cho Tổng Giám đốc phê duyệt theo đúng quy định.</p>
4	20/NQ-HĐQT	26/03/2020	<p>1. Thống nhất hoãn việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 đến thời gian chậm nhất là ngày 30/06/2020 (Theo dự kiến ban đầu là tháng 04/2020, tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 16/01/2020). Thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau.</p> <p>Lý do: Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và khó kiểm soát như hiện nay và chủ trương của Chính Phủ về việc hạn chế đi lại, tổ chức các sự kiện đông người.</p> <p>2. Thống nhất hủy ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Theo Thông báo số 76/TB - CTN ngày 10/03/2020).</p>
5	26/NQ-HĐQT	22/04/2020	<p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết trong Quý I/2020 của HĐQT và phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo cho Quý II/2020 (Theo các báo cáo số 139/BC - CTN ngày 07/04/2020, số 140/BC-CTN ngày 07/04/2020 của Phó TGD điều hành);</p> <p>2. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển Quý II/2020 (Theo Tờ trình số 154/TTr-CTN ngày 10/04/2020 của Phó TGD điều hành);</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>3. Thông qua việc vay bổ sung hạn mức tín dụng vốn lưu động. Tổng số tiền là 1,9 tỷ đồng tại Ngân hàng Vietinbank (Theo Tờ trình số 135/TTr-CTN ngày 06/04/2020 của phó TGD điều hành);</p> <p>4. Thống nhất vay trung hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển của Tỉnh để thực hiện các dự án đầu tư, phát triển theo KH 2020. Về số lượng các dự án, tổng mức đầu tư, tổng mức vay vốn, giao Ban Tổng Giám đốc làm việc với Quỹ đầu tư phát triển Trà Vinh theo từng giai đoạn cụ thể (Theo Tờ trình số 146/TTr-CTN ngày 08/04/2020 của phó TGD điều hành);</p> <p>5. Phê duyệt Tổng quỹ lương thực hiện năm 2019 và Kế hoạch lương năm 2020 của người quản lý và người lao động; Điều chỉnh đơn giá tiền lương của Chi nhánh Quản lý Thoát nước; Đơn giá lương của Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ (Theo công văn số 107/BC-CTN ngày 25/03/2020; Công văn số 142/BC-CTN ngày 07/04/2020; Tờ trình số 141/TTr-CTN ngày 07/04/2020; Tờ trình số 143/TTr-CTN ngày 07/04/2020 của Phó TGD điều hành);</p> <p>6. Thống nhất chi tiền trang phục năm 2020 (đợt 1) là 3.000.000 đồng/ người, cho những đối tượng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty, và chi tiền lễ 30/04 & 01/05 năm 2020 cho Người quản lý và người lao động là 2.000.000 đồng/người;</p> <p>7. Thống nhất hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đại đoàn kết cho CĐV Huỳnh Duy Khánh - Nhân viên ghi thu tiền nước - CN cấp nước Tp Trà Vinh & Châu Thành. Tổng số tiền là 50 triệu đồng (Theo tờ trình Số 03/TTr- CĐCS của BCH Công đoàn cơ sở Công ty)</p>
6	27/NQ-HĐQT	22/04/2020	Về việc thống nhất nhân sự Quy hoạch bổ sung các chức danh quản lý - giai đoạn 2018 - 2023.
7	29/NQ-HĐQT	28/04/2020	Thống nhất gia hạn hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/8543 54/HĐTD ngày 02/05/2019 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Trà Vinh. Tổng hạn mức là 3,4 tỷ đồng.
8	34/NQ-HĐQT	15/05/2020	<p>1. Thống nhất phương án giảm giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do bị ảnh hưởng dịch Covid-19 (Theo Tờ trình số 198/TTr-CTN ngày 05/05/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>2. Thống nhất cho Ông Phạm Hữu Ba - Thành viên HĐQT - Trưởng Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật nghỉ hưu theo luật định (Theo Tờ trình số 201/TTr-CTN ngày 07/05/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
9	39/NQ-HĐQT	05/06/2020	<p>1. Thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: Lúc 13h30 ngày 18/06/2020;</p> <p>2. Thống nhất nội dung các tờ trình và báo cáo để thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:</p> <p>a) Tờ trình báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019;</p> <p>b) Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2019;</p> <p>c) Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020;</p> <p>d) Tờ trình thông qua thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2020;</p> <p>e) Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh;</p> <p>i) Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại - Nhiệm kỳ 2017-2021;</p> <p>g) Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.</p> <p>3. Thống nhất phê duyệt thực hiện dự án đầu tư tuyến ống HDPE D400 từ giếng 06 đến giếng 16 (Theo Tờ trình số 232/TTr-CTN ngày 28/05/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành);</p> <p>4. Chấp thuận việc đã thực hiện khoan thêm giếng số 16 để cấp nước cho khu vực cách ly (bệnh Covid-19) tập trung số 2 tại huyện Châu Thành;</p> <p>5. Chấp thuận việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch các chức danh quản lý - Giai đoạn 2018-2023 (Theo biên bản họp ngày 17/4/2020 của Ban lãnh đạo Công ty với Đại diện Đảng ủy và BCH Công đoàn);</p> <p>4. Phê duyệt tổng quỹ tiền lương Kế hoạch của Người lao động bộ phận Xây Lắp và bộ phận quản lý Thoát nước (Theo công văn số 214/BC-CTN ngày 19/05/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành);</p> <p>5. Thông qua việc xây dựng lại thang bảng lương của Người lao động Công ty (Theo Tờ trình số 234/TTr-CTN ngày 29/5/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành). Đồng thời thay thế thang bảng lương đã thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 16/01/2020. Giao cho Ban Tổng Giám đốc hoàn chỉnh cách chuyển xếp lương theo mức lương mới cho người lao động phù hợp và bắt đầu thực hiện từ ngày 01/06/2020;</p> <p>6. Thống nhất về chủ trương vấn đề tổ chức như sau:</p> <p>a) Sáp nhập Tổ Quản lý mạng, Tổ Kiểm tra, Tổ Cắt mở nước thành 1 Tổ;</p> <p>b) Thành lập 2 Tổ thuộc Phòng KH-KT là Tổ Kế hoạch và Tổ Kỹ thuật.</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
10	47/NQ-HĐQT	18/06/2020	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020</p> <p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Quý II/2020 và kế hoạch Quý III/2020 cũng như Báo cáo kết quả thực hiện SXKD Quý II và kế hoạch SXKD Quý III/2020 (Số 311/BC-CTN ngày 20/07/2020 và số 288/BC-CTN ngày 08/07/2020 của Phó TGD điều hành);</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt thực hiện đầu tư Tuyến ống HDPE D500 từ giếng 6 đến điểm đầu nối vào ống gang D300 tại ngã 3 đường quốc lộ 54 và Tỉnh lộ 912. Bao gồm đầu tư tuyến ống và cầu đỡ ống qua sông Giồng Lức (Theo Tờ trình số 292/TTr-CTN ngày 10/07/2020 của Phó TGD điều hành).</p> <p>Đồng thời thống nhất định hướng mùa khô năm nay phải đảm bảo sản lượng nước cung cấp đến 34.000 m³/ngày đêm theo phương án phù hợp nhất.</p> <p>3. Thống nhất phê duyệt các tuyến ống phát sinh thêm trong Quý III/2020 (Theo Tờ trình số 293/TTr-CTN ngày 10/07/2020 của Phó TGD điều hành)</p> <p>4. Về nhân sự: Thống nhất việc điều động người lao động giữ chức vụ quản lý - Ông Võ Hoàng Khương - Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Chi nhánh cấp nước Cầu Ngang-Duyên Hải-Trà Cú về giữ chức vụ Phó Phòng TC-HC (Theo Tờ trình số 283/TTr-CTN ngày 01/07/2020 của Phó TGD điều hành). Thời gian điều động: Từ ngày 01/08/2020;</p> <p>5. Thống nhất bổ sung hình thức mua sắm trực tiếp vào Quy chế lựa chọn nhà cung cấp mua sắm tài sản, hàng hóa (Theo Tờ trình số 313/TTr-CTN ngày 20/07/2020 của Phó TGD điều hành). Giao Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật soạn thảo bổ sung vào Quy chế lựa chọn nhà cung cấp mua sắm tài sản, hàng hóa đang thực hiện;</p> <p>6. Đồng ý về việc thay đổi chức danh công việc đối với ông Mạc Tấn Lâm - Trợ lý Ban Lãnh đạo Công ty thành chức danh công việc mới là Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty (Theo Tờ trình số 299/TTr-CTN ngày 15/07/2020 của Phó TGD điều hành). Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/08/2020.</p>
11	52/NQ-HĐQT	21/07/2020	<p>Thống nhất phân phối Quỹ tiền thưởng cho người quản lý năm 2019: Theo mức lương đang hưởng của từng người quản lý (Tổng số quỹ tiền thưởng theo Tờ trình số 362/TTr-CTN ngày 19/08/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết trong Quý III/2020 của HĐQT và phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo cho Quý IV/2020 (Số 444/BC-CTN ngày 05/10/2020 của Phó TGD điều hành).</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt các tuyến ống phân phối và đầu tư mua sắm phát sinh thêm trong Quý IV/2020 (Theo Tờ trình số 442/TTr-CTN ngày 05/10/2020 của Phó TGD điều hành).</p>
12	57/NQ-HĐQT	07/09/2020	<p>Thống nhất phân phối Quỹ tiền thưởng cho người quản lý năm 2019: Theo mức lương đang hưởng của từng người quản lý (Tổng số quỹ tiền thưởng theo Tờ trình số 362/TTr-CTN ngày 19/08/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p>
13	60/NQ-HĐQT	22/10/2020	<p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết trong Quý III/2020 của HĐQT và phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo cho Quý IV/2020 (Số 444/BC-CTN ngày 05/10/2020 của Phó TGD điều hành).</p> <p>2. Thống nhất phê duyệt các tuyến ống phân phối và đầu tư mua sắm phát sinh thêm trong Quý IV/2020 (Theo Tờ trình số 442/TTr-CTN ngày 05/10/2020 của Phó TGD điều hành).</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>3. Thông qua việc điều chỉnh, cắt giảm kế hoạch SXKD năm 2020 (Theo Tờ trình số 443/TTr - CTN ngày 05/10/2020 của Phó TGD điều hành và các phụ lục 1, 2, 3, 4, kèm theo Tờ trình). Đồng thời cắt giảm: việc trang bị Laptop cho các cấp lãnh đạo Công ty và 01 xe đào đã được thông qua tại các Nghị quyết số 33/NQ-HĐQT ngày 23/08/2019 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 02/02/2018 của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thống nhất phê duyệt bổ sung Quỹ tiền lương từ thi công ống nhánh của .Người lao động tại các chi nhánh cấp nước (Theo Tờ trình số 423/TTr-CTN ngày 22/09/2020 của Phó TGD điều hành)</p> <p>5. Đồng ý gia hạn hợp đồng hạn mức tín dụng tại ngân hàng Vietinbank (Theo Tờ trình số 421/TTr-CTN ngày 22/09/2020 của Phó TGD điều hành)</p> <p>6. Thông qua việc thế chấp tài sản cố định để vay trung hạn tại ngân hàng thương mại (Theo Tờ trình số 437/TTr-CTN ngày 30/09/2020 của Phó TGD điều hành)</p> <p>7. Thống nhất phân công Ông Ngô Nhựt Ngân (Đại diện được ủy quyền của Ông Huỳnh Văn Nhân - TV HĐQT) chủ trì việc Sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 (Số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)</p> <p>8. Về tổ chức nhân sự:</p> <p>a) Thống nhất bổ sung chức năng, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi nhánh quản lý thoát nước (Theo Tờ trình số 433/TTr-CTN ngày 29/09/2020 của Phó TGD điều hành);</p> <p>b) Thống nhất chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng đối với ông Đào Thiện Duyên (theo quy định tại Điều 37 - Quy chế nội bộ về quản trị Công ty). Đối với các chức danh của Bà Huỳnh Thị Hằng - Phó phòng TC-HC; Ông Lê Thành Nam - Phó Phòng KH-KT; Ông Nguyễn Quốc Thắng - Phó Giám đốc Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ; Ông Trần Hoàng Long - Giám đốc Chi nhánh Quản lý Thoát nước, thống nhất vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đương nhiệm đến thời điểm 01/02/2021 sẽ xem xét phê duyệt bổ nhiệm lại trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc</p>
14	61/NQ-HĐQT	22/10/2020	<p>1. Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 như sau:</p> <p>- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020: 16/11/2020;</p> <p>- Thời gian tổ chức đại hội: Lúc 14h30 ngày 03/12/2020;</p> <p>- Địa điểm: Công ty sẽ thông báo cụ thể theo thư mời.</p> <p>2. Nội dung thông qua Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020</p> <p>- Thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2019;</p> <p>- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
15	67/NQ-HĐQT	23/11/2020	<p>1. Thống nhất dời ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 như sau:</p> <p>- Thời gian tổ chức đại hội: Lúc 14h30 ngày 08/12/2020</p> <p>- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh (Số 521B, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).</p> <p>Lý do: Một số thành viên Hội đồng quản trị phải đi công tác đột xuất trong thời gian ngắn.</p>
16	70/NQ-HĐQT	08/12/2020	<p>1. Thông qua tờ trình về việc không chi trả cổ tức năm 2019. Số cổ tức của năm 2019 sẽ được chi trả trong 6 tháng đầu năm 2021 với tỷ lệ trên 50% phần còn lại sẽ chi trả trong các năm tiếp theo.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất 100% của cổ đông có quyền tham dự Đại hội.</p>
17	75/NQ-HĐQT	15/12/2020	<p>1. Thống nhất chủ trương mua lại các nhà máy nước thuộc các đơn vị cấp nước nằm trong vùng cấp nước mà Công ty đảm bảo cung cấp (Theo Tờ trình số 546/TTr-CTN ngày 01/12/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>2. Phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị, ứng dụng công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 (Theo Tờ trình số 547/TTr-CTN ngày 01/12/2020 và bảng thuyết minh dự án số 548/DA-CTN ngày 01/12/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>3. Thông qua đề nghị chi bổ sung tiền trang phục cho người quản lý và người lao động năm 2020 (Theo Tờ trình số 568/TTr-CTN ngày 09/12/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p>
18	77/NQ-HĐQT	21/12/2020	<p>1. Thống nhất bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Đào Thiện Duyên (Kèm theo Tờ trình số 581/TTr-CTN ngày 15/12/2020 của Phó TGD điều hành; Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác và Chương trình hành động cho nhiệm kỳ tới của Ông Đào Thiện Duyên).</p> <p>Thời gian bổ nhiệm lại: Từ ngày 01/01/2021.</p> <p>2. Thông qua việc trang bị điện thoại di động để phục vụ công tác cho các cấp quản lý của Công ty (Theo Danh sách đề nghị ngày 19/12/2020 của Chủ tịch HĐQT Công ty).</p> <p>3. Thống nhất giới thiệu nhân sự cho chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh để thực hiện quy trình bổ nhiệm là Ông Nguyễn Văn Quý - Hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh (Kèm theo Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác và Chương trình hành động cho nhiệm kỳ tới của Ông Nguyễn Văn Quý).</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
19	79/NQ-HĐQT	31/12/2020	<p>Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Quý - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh - Nhiệm kỳ 05 năm, kể từ ngày 31/12/2020.</p>
20	70/NQ-HĐQT	08/12/2020	<p>1. Thống nhất Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Quý IV/2020 về trước cũng như Báo cáo kết quả thực hiện SXKD Quý IV/2020 (Số 624/BC-CTN ngày 31/12/2020 và Số 623/BC-CTN ngày 31/12/2020 của Tổng Giám đốc)</p> <p>2. Thống nhất Kế hoạch SXKD năm 2021 (theo tờ trình số 622/TTr-CTN ngày 31/12/2020 của Tổng Giám đốc và kèm theo các Biểu số 1 đến biểu số 14)</p> <p>a) Một số chỉ tiêu chủ yếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nước sản xuất: 15.148.490 m³ + Nước tiêu thụ: 13.291.000 m³ <p>+ Tổng doanh thu: 120.668.000.000 đồng</p> <p>+ Lợi nhuận trước thuế: 18.603.989.600 đồng</p> <p>+ Cổ tức đề xuất (%/vốn điều lệ): 6%</p> <p>b) Kế hoạch sử dụng lao động: Dự kiến 221 người (Theo tờ trình số 569/TTr-CTN ngày 09/12/2020 của Phó Tổng Giám đốc điều hành)</p> <p>c) Thống nhất chủ trương cho thực hiện chi phí tư vấn lập dự án đầu tư (tuyến ống chuyên tải và điện năng lượng mặt trời). Giá trị tạm tính khoảng 710.000.000 đồng.</p>
21	06/QĐ-HĐQT	20/02/2020	<p>Quyết định V/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
22	10/QĐ-HĐQT	25/02/2020	<p>Quyết định V/v ban hành Hệ thống thang, bảng lương của Người lao động tại công ty.</p>
23	13/QĐ-HĐQT	13/03/2020	<p>Quyết định V/v thành lập Tổ xây dựng giá thành nước máy trực thuộc Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
24	28/QĐ-HĐQT	22/05/2020	<p>Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của người quản lý chuyên trách - Năm 2019.</p>

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
25	29/QĐ-HĐQT 30/QĐ-HĐQT 31/QĐ-HĐQT	22/05/2020	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của người lao động bộ phận cấp nước, người lao động bộ phận Thoát nước, người lao động bộ phận Xây lắp - Năm 2019.
26	32/QĐ-HĐQT	22/05/2020	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách - Năm 2020
27	33/QĐ-HĐQT	22/05/2020	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương kế hoạch của người lao động bộ phận cấp nước - Năm 2020.
28	40/QĐ-HĐQT	29/05/2020	Quyết định V/v ban hành Hệ thống thang, bảng lương của Người lao động tại công ty.
29	43/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Quyết định V/v phê duyệt danh sách Quy hoạch điều chỉnh bổ sung các chức danh, giai đoạn 2018-2023 của công ty.
30	44/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương kế hoạch của người lao động bộ phận Xây lắp - Năm 2020.
31	45/QĐ-HĐQT	11/06/2020	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương kế hoạch của người lao động bộ phận Thoát nước - Năm 2020.
32	55/QĐ-HĐQT	12/08/2020	Quyết định V/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế lựa chọn nhà cung cấp mua sắm tài sản, hàng hoá của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
33	72/QĐ-HĐQT	25/11/2020	Quyết định V/v Thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng quản trị thay thế Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
34	82/QĐ-HĐQT	22/12/2020	Quyết định V/v bổ nhiệm lại Ông Đào Thiện Duyên, chức danh Kế toán trưởng Công ty.
35	93/QĐ-HĐQT	31/12/2020	Quyết định V/v bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Quý giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	02/02	100%
2	Trần Diệp Xuân	Kiểm soát viên	02/02	100%
3	Nguyễn Thị Khỏe	Kiểm soát viên	02/02	100%

Lý lịch Ban Kiểm soát



Ông **NGHIỆM NGOC TIÊN** Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 06/03/1965
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Quá trình công tác

03/1985 – 09/1985 Kế toán trưởng tại Hợp tác xã mua bán phường 1, Thị xã Trà Vinh.
 1996 – 1997 Trưởng Ban tài chính tại UBND phường 1, Thị xã Trà Vinh.
 1998 – 2003 Phó phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố Trà Vinh.
 2004 – 2010 Trưởng phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố Trà Vinh.
 2011 – 11/2016 Trưởng phòng Quản lý giá & Công sản tại Sở Tài chính Trà Vinh.
 12/2016 - nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Quá trình công tác

2008 – 2012 Kế toán viên tại Công ty Sản xuất Vật tư ngành in Mỹ Lan.
 2013 – nay Kế toán Trưởng Công ty Sản xuất Vật tư ngành in Mỹ Lan.
 12/2016 - nay Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh



Bà: **TRẦN DIỆP XUÂN** Kiểm soát viên

Ngày sinh: 24/03/1985
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
 Đại diện sở hữu: 0 cổ phần



BAN KIỂM SOÁT



Bà: NGUYỄN THỊ KHỎE
Kiểm soát viên

Ngày sinh: 20/02/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cá nhân sở hữu: 1.300 cổ phần

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Quá trình công tác

01/2002 – 03/2002	Nhân viên Văn phòng Phòng kỹ thuật.
04/2002 – 12/2008	Kế toán Vật tư Phòng Tài vụ.
01/2009 – 08/2010	Kế toán Hóa đơn Phòng Kế hoạch – Kinh doanh.
09/2010 – 10/2011	Kế toán Hóa đơn Phòng Tài vụ.
11/2011 – 04/2014	Nhân viên Văn phòng Nhà máy nước.
05/2014 – 04/2016	Nhân viên Điều phối Xí nghiệp Xây lắp.
04/2016 – nay	Nhân viên Văn phòng Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ.
06/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

- Cùng với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi, tham gia ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc xây dựng các quy định, quy chế quản trị Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Kiểm tra, rà soát lại các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ đã ban hành; kiểm tra các tờ trình của Ban điều hành, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Tiến hành kiểm tra thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Xí nghiệp trực thuộc.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Họ và tên	Thù lao	Lương	Thưởng
I Hội đồng quản trị				
1	Trương Công Chiếm	-	529.033.858	44.086.155
2	Nguyễn Văn Quý	54.000.000	508.686.402	42.390.534
3	Trương Hoàng Diệp	54.000.000	447.644.034	37.303.669
4	Huỳnh Văn Nhân	54.000.000	-	6.750.000
5	Võ Hoàng Khương	28.800.000	-	-
II Ban Kiểm soát				
1	Nghiêm Ngọc Tiên	-	447.644.034	37.303.669
2	Trần Diệp Xuân	36.000.000	-	4.500.000
3	Nguyễn Thị Khỏe	36.000.000	-	-
III Ban Điều hành				
1	Nguyễn Văn Quý	-	-	-
2	Trương Hoàng Diệp	-	-	-
3	Đoàn Thiện Duyên	-	406.949.122	33.912.427

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Nguyễn Văn Quý	Phó TGĐ - Thành viên HĐQT	10.600	Mua 2.000	12.600	22/05/2020
Đào Thiện Duyên	Kế toán trưởng	7.500	Mua 2.100	9.600	06/09/2020

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	80
Ý kiến kiểm toán	82
Báo cáo tài chính năm 2020	84

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/05/2019.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSĐC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Chiếm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	
Ông Trương Hoàng Diệp	Thành viên	
Ông Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	
Ông Võ Hoàng Khương	Thành viên	Từ ngày 18/06/2020
Ông Phạm Hữu Ba	Thành viên	Đến ngày 18/06/2020

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quý	Tổng Giám đốc	Từ ngày 31/12/2020
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 31/12/2020
Ông Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

Ông Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng ban
Bà Trần Diệp Xuân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 08/05/2019 là Ông Trương Công Chiếm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 37 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN QUÝ

Tổng Giám đốc

Trà Vinh, ngày 27 tháng 03 năm 2021

213
CÔNG
NỘI
I VỤ
TỈNH
KIỂM
AM
TP. T

184-C.T
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TOÁN
TẾT
C. CHI M

Số: 114 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, được lập ngày 27/03/2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số :
0547-2018-152-1

Kiểm toán viên



Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0613-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. Tài sản ngắn hạn	100		22.671.141.600	21.887.448.909
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.429.872.001	2.495.139.677
1. Tiền	111	V.01	2.429.872.001	2.495.139.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	160.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.11	200.000.000	160.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.890.872.216	5.320.009.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	5.250.014.113	5.530.939.104
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	522.628.958	247.523.348
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		162.898.189	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	857.010.893	744.576.402
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(901.679.937)	(1.203.245.346)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	215.510
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	14.033.033.309	13.093.077.568
1. Hàng tồn kho	141		14.033.033.309	13.093.077.568
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.364.074	819.222.646
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.364.074	819.222.646
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TRÁCH NHIỆM KIỂM TOÁN
 VÀ
 CHẤM DẤU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. Tài sản dài hạn	200		286.045.036.170	295.058.575.348
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		272.326.507.185	281.887.107.155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	269.501.270.014	278.963.149.587
- Nguyên giá	222		430.938.385.031	420.379.686.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.437.115.017)	(141.416.536.791)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.825.237.171	2.923.957.568
- Nguyên giá	228		3.388.297.994	3.388.297.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(563.060.823)	(464.340.426)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.816.425.981	396.138.887
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	1.816.425.981	396.138.887
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	2.932.420.904
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	-	(67.579.096)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.902.103.004	9.842.908.402
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	8.902.103.004	9.842.908.402
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.716.177.770	316.946.024.257

TRÁCH NHIỆM KIỂM TOÁN
 VÀ
 CHẤM DẤU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. Nợ phải trả	300		130.478.526.516	150.858.037.819
I. Nợ ngắn hạn	310		67.174.175.847	71.252.107.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.629.816.867	4.712.687.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		400.000	-
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.13	1.008.701.602	1.720.998.529
4. Phải trả người lao động	314		5.151.333.322	6.945.407.120
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.010.303.466	4.268.750.587
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	27.396.956.674	28.533.127.086
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	28.532.707.077	24.739.917.060
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		443.956.839	331.219.767
II. Nợ dài hạn	330		63.304.350.669	79.605.930.241
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	6.316.245.650
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	317.266.199	267.764.199
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	62.987.084.470	73.021.920.392
D. Vốn chủ sở hữu	400		178.237.651.254	166.087.986.438
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	178.237.651.254	166.087.986.438
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.151.175.369	7.283.681.274
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.107.875.885	12.825.705.164
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.539.890.235	134.784.295
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.567.985.650	12.690.920.869
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		308.716.177.770	316.946.024.257

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đào Thiện Duyên



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	103.418.855.725	97.229.124.232
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		103.418.855.725	97.229.124.232
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	61.883.045.622	55.545.571.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.535.810.103	41.683.552.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	30.038.087	233.319.520
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.367.100.947	966.836.699
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.229.959.829</i>	<i>677.479.509</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	8.828.047.076	10.395.144.195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	13.538.435.718	15.455.573.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.832.264.449	15.099.317.998
11. Thu nhập khác	31	VI.07	428.296.745	1.173.803.766
12. Chi phí khác	32	VI.08	119.277.965	378.938.123
13. Lợi nhuận khác	40		309.018.780	794.865.643
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.141.283.229	15.894.183.641
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.573.297.579	3.203.262.772
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.567.985.650	12.690.920.869
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.066	655
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.066	655

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đào Thiện Duyên



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	116.553.654.342	113.407.265.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(39.102.892.633)	(32.513.678.450)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.533.534.101)	(20.829.357.315)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.217.633.380)	(688.059.509)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(3.208.589.348)	(3.125.420.175)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.955.545.367	3.591.235.577
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(28.130.642.805)	(30.095.635.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.315.907.442	29.746.350.450
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(18.128.703.700)	(16.759.427.259)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000)	(160.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	160.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.038.087	229.799.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.138.665.613)	(16.689.627.739)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	39.955.877.149	13.937.159.808
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(46.197.923.054)	(21.077.242.748)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(463.600)	(6.567.668.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.242.509.505)	(13.707.751.939)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(65.267.676)	(651.029.228)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	2.495.139.677	3.146.168.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	2.429.872.001	2.495.139.677

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đào Thiện Duyên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/05/2019.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSĐC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 190 người (số đầu năm là 193 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, không có thay đổi bất thường gì ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh cấp nước Cầu Ngang – Trà Cú – Duyên Hải
- Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè
- Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ
- Chi nhánh Quản lý Thoát nước
- Chi nhánh Cấp nước thành phố Trà Vinh – Châu Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

388.
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
TRÀ VINH
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Ảnh hưởng của Covid-19

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 03 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	26.400.112	2.373.584
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.403.471.889	2.492.766.093
Cộng	2.429.872.001	2.495.139.677
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Nam Tân	351.326.452	701.326.452
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành	126.139.280	126.139.280
Công ty TNHH Xây Dựng Số 9	40.500.000	40.500.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.732.048.381	4.662.973.372
Cộng	5.250.014.113	5.530.939.104
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Hán Minh	-	59.148.348
Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam	97.625.000	97.625.000
Công ty Cổ phần Cơ khí tinh Sóc Trăng	100.000.000	-
Công ty TNHH Xây lắp Hoàng Long	137.003.958	-
Viện Công nghệ Khoan - Khai thác	144.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	44.000.000	90.750.000
Cộng	522.628.958	247.523.348
4. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	86.865.000	102.490.000
Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10	398.344.740	398.344.740
Ông Huỳnh Anh Dũng	88.508.116	88.508.116
Phải thu Ban chỉ đạo Cổ phần hóa	201.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	81.793.037	155.233.546
Cộng	857.010.893	744.576.402



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội-DA Lia 5,6,7

Công ty CP Nam Tân

Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10

Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành

Ông Huỳnh Anh Dũng

Các khoản phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	1.266.259.655	(901.679.937)	1.563.457.578	(1.203.245.346)
351.326.452	(351.326.452)	-	701.326.452	(697.741.388)
398.344.740	(152.334.164)	-	398.344.740	(152.334.164)
126.139.280	(126.139.280)	-	126.139.280	(103.053.491)
88.508.116	(88.508.116)	-	88.508.116	(88.508.116)
301.941.067	(183.371.925)	-	249.138.990	(161.608.187)
Cộng	1.266.259.655	(901.679.937)	1.563.457.578	(1.203.245.346)

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
14.033.033.309	-	-	12.879.486.568	-
-	-	-	213.591.000	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.033.033.309	-	13.093.077.568	-

184-C
CÔNG TY
THỰC D
TƯ VÀI
KẾ TO
I TOÁN
VIỆT
ĐỒ CH

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	76.888.817.704	76.927.779.750	252.268.612.329	11.318.323.314	2.976.153.281	420.379.686.378
Số tăng trong năm	354.362.936	268.998.000	10.235.519.593	-	-	10.858.880.529
- Mua trong năm	31.418.182	268.998.000	-	-	-	300.416.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	322.944.754	-	10.235.519.593	-	-	10.558.464.347
Số giảm trong năm	-	-	300.181.876	-	-	300.181.876
- Chuyển sang CCDC	-	-	300.181.876	-	-	300.181.876
Số dư cuối năm	77.243.180.640	77.196.777.750	262.203.950.046	11.318.323.314	2.976.153.281	430.938.385.031
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	26.299.825.390	31.302.586.197	76.288.996.166	6.497.275.415	1.027.853.623	141.416.536.791
Số tăng trong năm	3.268.717.529	5.341.146.612	10.252.111.345	1.035.472.629	124.549.029	20.021.997.144
- Khấu hao trong năm	3.268.717.529	5.341.146.612	10.252.111.345	1.035.472.629	124.549.029	20.021.997.144
Số giảm trong năm	-	-	1.418.918	-	-	1.418.918
- Chuyển sang CCDC	-	-	1.418.918	-	-	1.418.918
Số dư cuối năm	29.568.542.919	36.643.732.809	86.539.688.593	7.532.748.044	1.152.402.652	161.437.115.017
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	50.588.992.314	45.625.193.553	175.979.616.163	4.821.047.899	1.948.299.658	278.963.149.587
Tại ngày cuối năm	47.674.637.721	40.553.044.941	175.664.261.453	3.785.575.270	1.823.750.629	269.501.270.014

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

	31/12/2020	01/01/2020
	19.527.996.500	16.990.723.405
	134.934.205.355	144.107.855.022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	3.174.790.024	213.507.970	3.388.297.994
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.174.790.024	213.507.970	3.388.297.994
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	317.253.010	147.087.416	464.340.426
Số tăng trong năm	77.579.088	21.141.309	98.720.397
- Khấu hao trong năm	77.579.088	21.141.309	98.720.397
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	394.832.098	168.228.725	563.060.823
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu năm	2.857.537.014	66.420.554	2.923.957.568
Tại ngày cuối năm	2.779.957.926	45.279.245	2.825.237.171

	31/12/2020	01/01/2020
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	1.295.383.467	1.324.296.039

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.188.722.526	28.735.432
+ Thi công tuyến ống phân phối	77.921.212	24.365.432
+ DA giếng khoan số 16	58.886.619	-
+ Gói thầu số 05 - QL 53, TT. Trà Cú	1.051.914.695	-
+ Dự án HT xử lý nguồn nước mặt sông Láng Thê	-	4.370.000
Mua sắm TSCĐ	627.703.455	367.403.455
+ Quyền sử dụng đất - giếng khoan số 14	350.000.000	350.000.000
+ Quyền sử dụng đất - giếng khoan số 15	260.300.000	-
+ Công trình XDCB khác chưa hoàn thành	17.403.455	17.403.455
Cộng	1.816.425.981	396.138.887

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lắp đặt ống nhánh, thùy lượng kế	5.679.016.540	5.535.771.590
Chi phí thay thế đồng hồ nước định kỳ	1.097.804.009	1.528.377.280
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	504.350.408	1.695.292.052
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	334.946.732	700.725.334
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.285.985.315	382.742.146
Cộng	8.902.103.004	9.842.908.402



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
i) Ngắn hạn				
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	160.000.000	160.000.000
ii) Dài hạn				
Cộng	200.000.000	200.000.000	160.000.000	160.000.000
b) Đầu tư tài chính dài hạn				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	2.932.420.904	(67.579.096)
Tỷ lệ	20%	3.000.000.000	20%	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	2.932.420.904	(67.579.096)

(*) Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100542338 đăng ký ngày 20/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Trà Vinh cấp. Vốn điều lệ 15 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải số tiền 3 tỷ đồng tương đương 20% vốn điều lệ.



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà VinhBÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12. Phải trả người bán				
a) Ngắn hạn	3.629.816.867	3.629.816.867	4.712.687.429	4.712.687.429
Công ty TNHH nhựa Châu Âu Xanh	-	-	445.640.569	445.640.569
Công ty Cổ phần nước & môi trường Đồng Bằng	68.754.960	68.754.960	574.204.150	574.204.150
Công ty TNHH Ha Đạt	-	-	317.423.700	317.423.700
Công ty TNHH XD-TM-DV Hòa Lợi	33.026.200	33.026.200	457.547.716	457.547.716
Công ty Cổ phần SAMECO	-	-	604.630.796	604.630.796
Công ty TNHH TMDV Xuất Nhập Khẩu Tuấn Nhật Minh	98.890.000	98.890.000	387.420.000	387.420.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	-	-	753.504.180	753.504.180
Công ty TNHH khoan địa chất công trình - địa chất thủy văn Hoàng Kim	709.316.664	709.316.664	65.171.067	65.171.067
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cửu Long	135.985.850	135.985.850	-	-
Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất	188.551.000	188.551.000	-	-
Công ty TNHH TM-DV-KT Đứrc Hùng	174.273.000	174.273.000	78.848.000	78.848.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Giang Hoàng Vũ	213.738.931	213.738.931	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Lâm Quang Sơn	551.061.390	551.061.390	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	443.106.840	443.106.840	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.013.112.032	1.013.112.032	1.028.297.251	1.028.297.251
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần nước & môi trường Đồng Bằng	-	-	6.316.245.650	6.316.245.650
	-	-	6.316.245.650	6.316.245.650
* Phải trả người bán là các bên liên quan	31/12/2020		01/01/2020	
Công ty Cổ phần nước & môi trường Đồng Bằng	68.754.960		6.890.449.800	
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Duyên Hải	64.644.809		-	

22

1388
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VỤ TƯ
VẤN VÀ
CÁC DỊCH VỤ
KHÁC

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà VinhBÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Trong năm			
	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	606.236.385	606.236.385	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.573.297.579	3.208.589.348	91.517.711
Thuế thu nhập cá nhân	-	173.078.273	183.463.074	6.115.399
Thuế tài nguyên	-	279.296.500	3.518.091.500	297.192.750
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	74.441.245	74.441.245	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.759.520.886	7.844.037.493	613.875.742
Cộng	-	14.733.562.118	15.445.859.045	-
				1.008.701.602

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
14. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	78.554.006	66.227.557
Chi phí lãi chậm trả	-	221.778.094
Chi phí dự án Nhà máy nước Thị trấn Duyên Hải	-	2.543.261.917
Chi phí dự án Trà Cú	-	186.970.250
Chi phí điện, nước, cước điện thoại ...	534.505.188	533.506.897
Chi phí phải trả khác	397.244.272	717.005.872
Cộng	1.010.303.466	4.268.750.587
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	27.396.956.674	28.533.127.086
Tài sản thừa chờ xử lý	-	8.952.712
Cổ tức phải trả	1.390.800	1.854.400
Phải trả vốn ngân sách Nhà nước	20.704.650.070	20.774.666.499
Phải trả khác về cổ phần hóa	550.202.688	550.202.688
Chi phí nước thải	437.130.443	547.514.062
Khoản nhận viện trợ không hoàn lại phải nộp (*)	1.574.764.075	1.574.764.075
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN (*)	3.000.002.265	4.000.002.265
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.128.816.333	1.075.170.385
b) Dài hạn	317.266.199	267.764.199
Ký cược, ký quỹ dài hạn	317.266.199	267.764.199
Cộng	27.714.222.873	28.800.891.285

(*) Là các khoản Công ty phải nộp cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi có ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh và Bộ Tài chính.

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	01/01/2020		31/12/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
16. Vay và nợ thuê tài chính					
a) Ngắn hạn					
Vay ngắn hạn (*)	24.739.917.060	24.739.917.060	50.190.713.071	46.397.923.054	28.532.707.077
NH TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Trà Vinh (a1)	8.799.917.060	8.799.917.060	35.498.752.071	30.457.923.054	13.840.746.077
NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Trà Vinh (a2)	3.400.000.000	3.400.000.000	8.486.453.395	8.834.362.640	3.052.090.755
Vay đối tượng khác	5.399.917.060	5.399.917.060	24.812.298.676	19.423.560.414	10.788.655.322
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	15.940.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000	-
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Xử lý CLNN	2.140.000.000	15.940.000.000	14.691.961.000	15.940.000.000	14.691.961.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA đầu tư tuyến ống	-	2.140.000.000	438.150.000	2.140.000.000	438.150.000
NH Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	10.000.000.000	-	453.811.000	-	453.811.000
NH Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Càn - Cầu Quan	3.800.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
b) Dài hạn					
Vay dài hạn (**)	73.021.920.392	73.021.920.392	4.657.125.078	14.691.961.000	62.987.084.470
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Xử lý CLNN	73.021.920.392	73.021.920.392	4.657.125.078	14.691.961.000	62.987.084.470
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA đầu tư tuyến ống	438.150.000	438.150.000	-	438.150.000	-
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	49.802.268.010	49.802.268.010	4.457.125.078	453.811.000	4.003.314.078
NH Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Càn - Cầu Quan	22.781.502.382	22.781.502.382	-	3.800.000.000	18.981.502.382
Vay đối tượng khác	-	-	200.000.000	-	200.000.000
Cộng	97.761.837.452	97.761.837.452	54.847.838.149	61.089.884.054	91.519.791.547

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

(a1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/854354/HĐTD ngày 02/05/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2020/854354/HĐTD ngày 28/04/2020. Hạn mức cấp tín dụng là 3,4 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng. Phương thức bảo đảm khoản vay: tín chấp. Số dư nợ gốc tại 31/12/2020: 3.052.090.755 đồng.

(a2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 702/2020-HĐCVHM/NHCT980-TRAWACO ngày 17/11/2020. Hạn mức cấp tín dụng là 11,9 tỷ đồng. Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng. Phương thức bảo đảm khoản vay: tín chấp. Số dư nợ gốc tại 31/12/2020: 10.788.655.322 đồng.

() Chi tiết các khoản vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Số dư nợ gốc tại 31/12/2020	Phương thức đảm bảo
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	02/2013/HĐVV/QĐTPT ngày 09/05/2013	8 năm	8%/năm	-	438.150.000	438.150.000	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	01/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 14/02/2020	5 năm	6,5%/năm	1.012.000.000	160.000.000	1.172.000.000	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	04/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 29/06/2020	8 năm	6,5%/năm	438.375.000	62.625.000	501.000.000	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	06/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 07/07/2020	8 năm	6,5%/năm	959.971.000	231.186.000	1.191.157.000	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	08/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 30/07/2020	10 năm	6,5%/năm	272.166.000	-	272.166.000	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư

26



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Số dư nợ gốc tại 31/12/2020	Phương thức đảm bảo
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	10/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 30/07/2020	10 năm	6,5%/năm	1.025.056.078	-	1.025.056.078	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư
Quý Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	23/2020/HĐVV/QĐTPT ngày 09/11/2020	3 năm	6,5%/năm	295.746.000	-	295.746.000	Thế chấp TSCĐ của công ty và TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 24/08/2012	15 năm	0,3%/năm	39.802.268.010	10.000.000.000	49.802.268.010	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	20/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 26/08/2013	15 năm	0,3%/năm	18.981.502.382	3.800.000.000	22.781.502.382	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Ông Đào Phú Vinh	số 01/2020/HĐTG-CTN ngày 01/04/2020	13 tháng	12%/năm	200.000.000	-	200.000.000	Tín chấp
Cộng				62.987.084.470	14.691.961.000	77.679.045.470	

27



17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	145.978.600.000	5.610.347.923	11.155.555.665	162.744.503.588
Lợi nhuận trong năm			12.690.920.869	12.690.920.869
Trả cổ tức năm 2018			(6.569.037.000)	(6.569.037.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển		1.673.333.351	(1.673.333.351)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi			(2.565.777.803)	(2.565.777.803)
Thường Ban điều hành			(223.111.113)	(223.111.113)
Tăng khác			10.487.897	10.487.897
Số dư cuối năm trước	145.978.600.000	7.283.681.274	12.825.705.164	166.087.986.438
Số dư đầu năm nay	145.978.600.000	7.283.681.274	12.825.705.164	166.087.986.438
Lợi nhuận trong năm			15.567.985.650	15.567.985.650
Trả cổ tức năm 2019			-	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển		1.867.494.095	(1.867.494.095)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi			(3.136.321.621)	(3.136.321.621)
Thường Ban điều hành			(281.999.213)	(281.999.213)
Số dư cuối năm nay	145.978.600.000	9.151.175.369	23.107.875.885	178.237.651.254

(*) Theo nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2020, Công ty chia cổ tức năm 2019 cho cổ đông 5.000 đồng/cp. Hiện nay Công ty chưa trích khoản cổ tức này để chi trả cho cổ đông theo nội dung của nghị quyết nêu trên.

884-C
CÔNG TY
M HỮU H
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2020 VND	Tỷ lệ	01/01/2020 VND
Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	82,34%	120.196.600.000	82,34%	120.196.600.000
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng	10,00%	14.598.540.000	10,00%	14.598.540.000
Công ty CP Rynan Technologies Vietnam	5,07%	7.401.460.000	5,07%	7.401.460.000
Vốn góp của các đối tượng khác	2,59%	3.782.000.000	2,59%	3.782.000.000
Cộng	100%	145.978.600.000	100%	145.978.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	145.978.600.000	145.978.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	145.978.600.000	145.978.600.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.597.860	14.597.860
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ bao gồm:

Giá trị còn lại Đài nước 500m3 phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, và đường nội bộ: 93.180.643 đồng. Tuy nhiên hai tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.

CÔNG TY
M HỮU H
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.418.855.725	97.229.124.232
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	95.365.424.401	90.187.789.000
Doanh thu thoát nước via hệ	6.051.890.923	4.999.923.034
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	103.285.633	122.993.270
Doanh thu xây lắp	1.581.672.038	1.778.284.447
Doanh thu cung cấp dịch vụ	316.582.730	140.134.481
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Không phát sinh		
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	56.710.773.860	51.217.681.766
Giá vốn thoát nước via hệ	2.523.724.689	2.091.002.177
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	73.098.731	81.488.873
Giá vốn xây lắp	2.447.970.323	2.049.884.096
Giá vốn cung cấp dịch vụ	127.478.019	105.514.345
Cộng	61.883.045.622	55.545.571.257
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.038.087	53.319.520
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	180.000.000
Cộng	30.038.087	233.319.520
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.229.959.829	677.479.509
Lãi chậm trả	204.720.214	221.778.094
Trích lập/(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(67.579.096)	67.579.096
Cộng	1.367.100.947	966.836.699

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.803.637	7.300.000
Chi phí nhân công	3.723.057.092	3.799.697.076
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.426.717.087	6.030.970.851
Chi phí khấu hao	291.885.724	178.447.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.483.293	237.554.999
Chi phí khác bằng tiền	199.100.243	141.174.123
Cộng	8.828.047.076	10.395.144.195
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	336.184.981	320.365.803
Chi phí nhân công	8.456.380.269	10.251.289.417
Chi phí đồ dùng văn phòng	164.776.548	231.883.637
Chi phí khấu hao	664.250.915	679.706.944
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(301.565.409)	(27.495.137)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.714.785.757	1.418.355.963
Chi phí khác bằng tiền	2.503.622.657	2.581.466.976
Cộng	13.538.435.718	15.455.573.603
7. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Lắp đặt thủy lượng kế, khảo sát vận chuyển	29.794.565	201.688.403
Thu cho thuê văn phòng	38.181.818	21.818.180
Thu tiền cho thuê xe	-	15.250.000
Thu thanh lý phế liệu, công cụ dụng cụ	16.896.365	7.809.093
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường giữ lại	315.829.949	870.037.205
Thu nhập khác	27.594.048	57.200.885
Cộng	428.296.745	1.173.803.766
8. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	112.215.363	15.000.000
Chi phí tư vấn DA Xây dựng HT xử lý chất lượng nước	-	316.074.273
Chi phí khác	7.062.602	47.863.850
Cộng	119.277.965	378.938.123



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.141.283.229	15.894.183.641
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	239.413.763	122.130.218
- Các khoản điều chỉnh tăng	239.413.763	302.130.218
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	127.198.400	302.130.218
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	112.215.363	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(180.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(180.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	18.380.696.992	16.016.313.859
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	3.676.139.398	3.203.262.772
Chi phí thuế TNDN được giảm theo NĐ 114/2020/NĐ-CP	(1.102.841.819)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	2.573.297.579	3.203.262.772

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.567.985.650	12.690.920.869
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	(3.136.321.621)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.136.321.621)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.136.321.621)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.567.985.650	9.554.599.248
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.597.860	14.597.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.066	655
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.066	655

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng vượt kế hoạch chưa xác định được giá trị cụ thể để giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế năm nay để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (các giá trị này chỉ xác định khi Đại hội cổ đông thường niên chính thức thông qua).

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh bởi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2019 với tổng giá trị là 3.136.321.621 đồng (xem thuyết minh VII.8).

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.572.056.221	26.700.809.909
Chi phí nhân công	26.087.891.742	26.413.739.072
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.120.717.541	18.370.949.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.678.542.309	3.153.597.793
Chi phí khác bằng tiền	6.790.320.603	6.970.784.185
Tổng cộng	84.249.528.416	81.609.880.055

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.673.021.434	2.673.182.845

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Bằng	Bên liên quan	Lãi chậm trả	204.720.214
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	Bên liên quan	Nhận tiền vay Trả tiền vay Chi phí lãi vay	2.200.000.000 2.200.000.000 123.961.749

Cho đến ngày 31/12/2020, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đồng Bằng	Bên liên quan	Lãi chậm trả	(68.754.960)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải	Bên liên quan	Lãi vay phải trả	(64.644.809)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

13884
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VỤ TƯ
LỢI KẾ
TIÊM TO
LƯU VIẾT
P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.429.872.001	-	2.495.139.677	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000	-	160.000.000	-
Phải thu khách hàng	5.250.014.113	(644.849.331)	5.530.939.104	(946.414.740)
Phải thu khác	1.379.639.851	(256.830.606)	992.099.750	(256.830.606)
Cộng	9.259.525.965	(901.679.937)	9.178.178.531	(1.203.245.346)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	91.519.791.547	97.761.837.452
Phải trả người bán	3.629.816.867	4.712.687.429
Chi phí phải trả	1.010.303.466	4.268.750.587
Phải trả khác	33.557.391.598	37.199.532.735
Cộng	129.717.303.478	143.942.808.203

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07, V.08 và V.16). Tại thời điểm 31/12/2020 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	66.730.219.008	62.987.084.470	129.717.303.478
Các khoản vay	28.532.707.077	62.987.084.470	91.519.791.547
Phải trả người bán	3.629.816.867	-	3.629.816.867
Chi phí phải trả	1.010.303.466	-	1.010.303.466
Phải trả khác	33.557.391.598	-	33.557.391.598
Số đầu năm	70.920.887.811	73.021.920.392	143.942.808.203
Các khoản vay	24.739.917.060	73.021.920.392	97.761.837.452
Phải trả người bán	4.712.687.429	-	4.712.687.429
Chi phí phải trả	4.268.750.587	-	4.268.750.587
Phải trả khác	37.199.532.735	-	37.199.532.735

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước số 352/TB-KV IX ngày 20/08/2020 và điều chỉnh hồi tố do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 ngày 18/06/2020 với tổng giá trị là 3.136.321.621 đồng như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 01/01/2020 (Sau điều chỉnh)	Số liệu tại ngày 31/12/2019 (Trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	744.576.402	741.056.402	3.520.000
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	1.720.998.529	1.637.788.016	83.210.513
Phải trả ngắn hạn khác	28.533.127.086	28.853.777.834	(320.650.748)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.825.705.164	12.584.744.929	240.960.235
- LNST chưa phân phối kỳ này	12.690.920.869	12.449.960.634	240.960.235
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2019 (Sau điều chỉnh)	Năm 2019 (Trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Doanh thu hoạt động tài chính	233.319.520	229.799.520	3.520.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.455.573.603	15.455.573.603	-
Thu nhập khác	1.173.803.766	853.153.018	320.650.748
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.894.183.641	15.576.012.893	318.170.748
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.203.262.772	3.126.052.259	77.210.513
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.690.920.869	12.449.960.634	240.960.235
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.066	853	214
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.066	853	214



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2020 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Ngân

Trà Vinh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Đào Thiện Duyên



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quý





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Trà Vinh, ngày 16 tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn Quý